VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1701/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ-TW

ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 3627/BC-HĐTĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 về thẩm định Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Văn bản số 9095/BKHĐT-QLQH ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc rà soát hồ sơ Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận tại Tờ trình số 4760/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và văn bản số 5001/UBND-TH ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch tỉnh) với những nội dung sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

1. Phần lãnh thổ đất liền

Phạm vi lập quy hoạch đối với phần lãnh thổ đất liền bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên tỉnh Bình Thuận, quy mô 7.943,93 km^2, gồm 10 đơn vị hành chính cấp huyện, được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: giáp tỉnh Lâm Đồng;

- Phía Đông Bắc: giáp tỉnh Ninh Thuận;

- Phía Tây: giáp tỉnh Đồng Nai;

- Phía Tây Nam: giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Phía Đông và Nam: giáp Biển Đông.

Tỉnh Bình Thuận có tọa độ địa lý: từ 107°23'41" đến 108°52'18" kinh độ Đông; từ 10°33'42" đến 11°33'18" vĩ độ Bắc.

2. Phần không gian biển: Được xác định theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN; CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh

- Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với chủ trương, đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước, với mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước giai đoạn 2021 - 2030, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và bền vững; phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Chủ động, tích cực hội nhập, đa dạng hóa thị trường, nâng cao khả năng thích ứng của nền kinh tế; đặc biệt chú trọng phát triển nhanh, bền vững kinh tế biển. Đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn.

- Phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất, là mục tiêu của sự phát triển; hướng tới nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của Nhân dân.

- Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của các địa phương đóng góp vào sự phát triển chung của Tỉnh, đảm bảo phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; coi lợi thế tự nhiên và các giá trị văn hóa là nguồn lực phát triển quan trọng của Tỉnh.

- Áp dụng các nguyên tắc kinh tế thị trường và đảm bảo thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực sản xuất, nhất là đất đai. Phát triển nhanh, hài hòa các khu vực kinh tế và các loại hình doanh nghiệp; phát triển kinh tế tư nhân thực sự là một động lực quan trọng của nền kinh tế.

- Hình thành năng lực sản xuất mới gắn với hình thành các chuỗi giá trị/các cụm liên kết ngành và khả năng chống chịu hiệu quả của nền kinh tế trước các tác động lớn từ bên ngoài.

- Chủ động gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

b) Về tổ chức, sắp xếp không gian phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường

- Tổ chức lãnh thổ tạo không gian phát triển mới là điều kiện quyết định sự phát triển nhanh, bền vững trong triển vọng dài hạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Mở rộng không gian phát triển thông qua bố trí cơ sở hạ tầng, lực lượng sản xuất, các hoạt động kinh tế - xã hội trong tổng thể mối quan hệ liên huyện, liên tỉnh, liên vùng; tạo điều kiện hợp tác, tăng quy mô khai thác, huy động và phát huy hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài Tỉnh, nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của nền kinh tế trong dài hạn.

- Tổ chức không gian phát triển phù hợp với xu thế tổ chức sản xuất mới, xu thế đô thị hóa và phát huy được những lợi thế của Tỉnh về phát triển công nghiệp, năng lượng, cảng biển, phát triển du lịch, nghỉ dưỡng, dịch vụ chất lượng cao, thúc đẩy quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế đô thị biển.

- Tổ chức lãnh thổ nội tỉnh hướng tới tạo ra sự bình đẳng về cơ hội phát triển cho mọi người dân trên địa bàn Tỉnh, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của các vùng (tiểu vùng), các địa phương, tạo ra các động lực mới, bền vững cho sự phát triển của Tỉnh.

- Khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên đất, phù hợp với xu thế phát triển mới và tiến bộ khoa học, công nghệ; bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học là nguyên tắc xuyên suốt bảo đảm sự phát triển bền vững.

c) Về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

- Khơi thông, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư, kích hoạt mới nguồn lực, kiên quyết không đầu tư dàn trải. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại; có trọng tâm, trọng điểm, kết nối nội vùng và liên vùng.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng cho phát triển kinh tế biển, hạ tầng các khu công nghiệp và hạ tầng cho thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông và phát triển kinh tế số, hạ tầng thủy lợi và bảo vệ nguồn nước phù hợp với định hướng tổ chức và khai thác lãnh thổ, tạo không gian phát triển mới.

- Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phải kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Không ngừng nâng cao đời sống và phúc lợi xã hội cho người dân, hướng tới phát triển bền vững bao trùm, đảm bảo mọi người dân dễ dàng tiếp cận các cơ hội phát triển và thụ hưởng những thành quả của quá trình phát triển. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng. Huy động và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực để phát triển toàn diện trên cơ sở tạo lập một hệ sinh thái phát triển hiện đại và bền vững; phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng xanh, hình thành nền kinh tế ít chất thải, trọng tâm là phát triển 03 trụ cột: (1) Công nghiệp, với nòng cốt là công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao được tổ chức thành các cụm liên kết ngành; (2) Dịch vụ, với các loại hình dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, vui chơi giải trí, thể thao biển; dịch vụ đào tạo và nghiên cứu triển khai ứng dụng khoa học công nghệ; dịch vụ logistics; (3) Nông nghiệp, với trọng tâm là nông nghiệp sinh thái, ứng dụng công nghệ cao với những chuỗi sản xuất nông - công nghiệp chế biến.

Đến năm 2030, Bình Thuận trở thành tỉnh phát triển năng động, nhanh và bền vững; mạnh, giàu từ biển, có mức thu nhập bình quân đầu người (GRDP) cao hơn mức bình quân của vùng và cả nước; là trung tâm du lịch nghỉ dưỡng biển tầm quốc gia, quốc tế; một trong những trung tâm năng lượng xanh của cả nước, góp phần giảm phát thải khí nhà kính, thực hiện cam kết đạt mức phát thải ròng bằng 0

vào năm 2050; hướng tới hình thành một trong những trung tâm đào tạo và phát triển công nghệ của vùng và quốc gia. Quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc; các tổ chức đảng, hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân thời kỳ 2021 - 2030 đạt 7,5 - 8,0%, trong đó: Công nghiệp - xây dựng tăng 11 - 12%/năm (Công nghiệp tăng 12 - 13%/năm, xây dựng tăng 10 - 11%/năm); dịch vụ tăng 7,0 - 7,5%/năm; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,5 - 3,0%/năm.

+ Cơ cấu kinh tế: Ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 44 - 48%; ngành dịch vụ chiếm 31 - 34%; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 15 - 16% và thuế sản phẩm 5 - 6% trong GRDP của tỉnh.

+ Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP của tỉnh đạt khoảng 18 - 20%.

+ Kinh tế số chiếm tỷ trọng trong GRDP của tỉnh đạt khoảng 30% - 35%.

+ GRDP bình quân/người đạt khoảng 7.800 - 8.000 USD.

+ Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế năm 2030 khoảng 50%.

+ Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 6,0 - 7,0%/năm.

+ Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 6,5 - 7,5%/năm giai đoạn 2021 - 2030.

+ Thu hút vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt khoảng 36 - 38% so với GRDP giai đoạn 2021 - 2030.

+ Thu hút khách du lịch đạt 16 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế chiếm 15 - 20%.

+ Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 50,8%.

- Về xã hội:

+ Duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức 0,8%/năm.

+ Tuổi thọ bình quân đạt 76,5 tuổi.

+ Thu nhập bình quân đầu người năm 2030 tăng gấp 2,7 - 3,5 lần so với năm 2020.

+ Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 0,4 - 0,6%/năm (theo chuẩn nghèo từng thời kỳ).

+ Cơ cấu lao động: Tỷ trọng lao động trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 29,4%; công nghiệp - xây dựng 30,8%; dịch vụ 39,7%.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 80% (trong đó lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 39 - 40%).

+ Tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia đạt trên 60%; cấp tiểu học đạt khoảng 80%; cấp trung học cơ sở đạt khoảng 70%; cấp trung học phổ thông đạt khoảng 65%.

+ Số bác sỹ/1 vạn dân đạt 10 - 10,5 bác sỹ.

+ Giường bệnh/vạn dân đạt 32 giường.

+ Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95%.

+ Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động trong độ tuổi đạt khoảng 50 - 55%.

+ Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi còn dưới 4,5%.

+ Nâng chỉ tiêu diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người đến năm 2030 của toàn tỉnh là 30 m^2/người, trong đó diện tích sàn nhà ở bình quân khu vực thành thị phấn đấu đạt khoảng 32 m^2/người, diện tích sàn nhà ở bình quân khu vực nông thôn phấn đấu đạt khoảng 27,93 m^2/người.

+ Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới khoảng 95%, trong đó có 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có ít nhất 7 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường:

+ Duy trì tỷ lệ 100% dân số được cấp đủ nước cho nhu cầu sinh hoạt; đảm bảo năng lực cung cấp nước không thấp hơn 95% tổng nhu cầu nước cho các ngành kinh tế - xã hội khác.

+ Duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó, ít nhất 95% hộ dân được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế; 100% rác thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn và thu gom đúng quy định.

+ Tỷ lệ chất thải rắn (CTR) sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%, trong đó 90% CTR phát sinh được tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng, sản xuất phân hữu cơ bằng các công nghệ tiên tiến, bảo vệ môi trường.

+ Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường 100%.

+ Tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung vận hành đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường 100%.

+ Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để 100% vào năm 2025 và duy trì tỷ lệ đó ở các năm tiếp theo.

+ Tỷ lệ che phủ rừng duy trì 43% trong cả giai đoạn 2021 - 2030.

- Về quốc phòng, an ninh:

+ Tăng cường quản lý về quốc phòng, an ninh; chủ động nắm chắc tình hình, không bị động, bất ngờ; thực hiện tốt phòng chống các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, đảm bảo xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, cuộc sống bình yên, hạnh phúc của Nhân dân.

+ Xây dựng một số công trình kết hợp kinh tế với quốc phòng nhằm bảo đảm xử lý mọi tình huống xung đột, gây mất an ninh trật tự xã hội, chủ quyền quốc gia.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Đến năm 2050, Bình Thuận trở thành cực phát triển quan trọng của khu vực duyên hải Trung Bộ có kinh tế biển phát triển mạnh, bền vững, cơ cấu kinh tế hiện đại; là trung tâm năng lượng sạch, trung tâm cung cấp dịch vụ du lịch quốc gia và quốc tế, y tế, giáo dục chất lượng cao; trung tâm khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của vùng và quốc gia gắn với các đô thị biển hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân đạt mức cao so với vùng và cả nước; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được đảm bảo vững chắc.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Đổi mới tư duy phát triển, chủ động, sáng tạo trong quản lý, nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung vào cải cách thủ tục hành chính gắn với xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng và thực hiện các cơ chế chính sách (hoàn thiện thể chế) tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư kinh doanh, liên kết, hợp tác, phát triển.

b) Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, nhất là nhân lực cho công nghiệp công nghệ cao, du lịch xanh, năng lượng sạch. Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức có chuyên môn cao, có

năng lực thực tiễn, phẩm chất đạo đức trong sáng, tận tụy, có trách nhiệm với Nhân dân. Có cơ chế chính sách thu hút đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng nghề nghiệp phù hợp với định hướng phát triển của Tỉnh.

c) Phát triển, nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý, phát triển kinh tế - xã hội. Đưa dịch vụ khoa học và công nghệ trở thành yếu tố quan trọng đóng góp cho tăng trưởng kinh tế Tỉnh trong kỳ quy hoạch.

d) Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả đầu tư công; thu hút nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, nhất là hạ tầng công nghệ số, hạ tầng giao thông đảm bảo kết nối thuận tiện với các vùng, cả nước và quốc tế, góp phần tạo lập môi trường đầu tư phát triển thuận lợi, hiệu quả, hấp dẫn các nhà đầu tư. Huy động và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh nền kinh tế.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC QUAN TRỌNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng

a) Công nghiệp chế biến, chế tạo

Phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo. Trong đó, đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến các sản phẩm nông, lâm, thủy hải sản có lợi thế của Tỉnh để nâng cao giá trị gia tăng; tạo điều kiện, triển khai thực hiện tốt các chính sách ưu đãi đầu tư để thu hút các dự án sản xuất các sản phẩm công nghiệp công nghệ cao, các thiết bị điện, linh kiện điện tử, lắp ráp máy móc, ô tô, xe máy, công nghiệp phụ trợ cho ngành năng lượng tái tạo, năng lượng mới.

b) Công nghiệp năng lượng, điện

Phát triển công nghiệp sản xuất điện, sớm trở thành trung tâm năng lượng của quốc gia, nhằm đảm bảo nguồn cung ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu năng lượng, điện cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh; ưu tiên phát triển các dự án năng lượng tái tạo, năng lượng sạch như điện gió, nhất là điện gió ngoài khơi và hydrogen, điện mặt trời, điện khí LNG; nghiên cứu khai thác tối đa tiềm năng thủy điện trên các hồ thủy lợi, các hồ chứa nước, thủy điện tích năng. Rà soát, điều chỉnh diện tích, quy mô quy hoạch điện gió trên bờ theo quy định

hiện hành và phù hợp tình hình thực tiễn của từng khu vực, đảm bảo không gian cho các ngành, lĩnh vực khác có lợi thế phát huy, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Nông nghiệp công nghệ cao, hình thành các vùng sản xuất tập trung

Xây dựng, chuyển giao, nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hình thành các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, có sức cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao thu nhập cho người nông dân.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp, phát triển nền sản xuất nông nghiệp hữu cơ, xanh, sinh thái, tuần hoàn, giảm phát thải nhà kính; phát triển các vùng chuyên canh gắn với tiềm năng, thế mạnh của Tỉnh; xây dựng và phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các khu vực, địa bàn có tiềm năng, lợi thế về vùng nguyên liệu, thị trường và kết cấu hạ tầng để nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm.

d) Du lịch

Ưu tiên đầu tư mọi nguồn lực, phát triển du lịch Bình Thuận trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Tỉnh, xây dựng Bình Thuận trở thành Trung tâm Du lịch - Thể thao biển mang tầm quốc gia, quốc tế. Giữ vững hình ảnh du lịch Bình Thuận "An toàn - thân thiện - chất lượng", với hạt nhân là Khu du lịch quốc gia Mũi Né trở thành điểm đến du lịch xanh và thông minh (một trong những điểm đến hàng đầu khu vực châu Á - Thái Bình Dương).

Phát triển, đa dạng hóa những sản phẩm du lịch chất lượng cao dựa trên thế mạnh về biển. Thu hút đầu tư các dự án tổ hợp du lịch, khu nghỉ dưỡng cao cấp gắn với dịch vụ vui chơi, giải trí, thương mại, dịch vụ, thể thao, casino. Hình thành và phát triển một số Trung tâm hội nghị, hội thảo, triển lãm, mua sắm, giải trí quy mô lớn, hiện đại tại khu du lịch quốc gia Mũi Né và các Khu du lịch trọng điểm tiềm năng của Tỉnh.

Hình thành liên kết phát triển du lịch theo chiều dọc (hướng Bắc - Nam) gắn với tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, QL1A và cao tốc Bắc - Nam phía Đông. Liên kết phát triển du lịch theo chiều ngang (hướng Đông - Tây) nối các khu du lịch với các tỉnh Tây Nguyên, các tỉnh Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan. Liên kết các tuyến du lịch với các địa phương trong vùng, liên vùng và cả nước; đẩy mạnh phát triển các tuyến du lịch quốc tế.

đ) Dịch vụ vận tải và logistics

Phát triển dịch vụ vận tải và logistics bằng đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không, trở thành ngành kinh tế quan trọng của Tỉnh. Phát triển mạnh dịch vụ cảng biển gắn với các khu kinh tế, khu công nghiệp để thúc đẩy các hoạt động chế biến, xuất khẩu các mặt hàng nông, thủy sản, khoáng sản…; thu hút đầu tư các bến cảng phục vụ phát triển du lịch. Xây dựng Bình Thuận trở thành một trong những trung tâm logistics của khu vực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên.

e) Dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe

Xây dựng, phát triển ngành y tế đồng bộ, từng bước hiện đại, kết hợp hài hòa giữa hệ thống y tế chăm sóc, khám, chữa bệnh và y tế dự phòng, đảm bảo tính kết nối, liên thông từ tỉnh đến cơ sở, với vùng, cả nước và quốc tế; nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe, phát triển thể chất của người dân.

Phát triển một số dịch vụ y tế chất lượng cao kết hợp với loại hình du lịch nghỉ dưỡng, điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe trở thành dịch vụ mũi nhọn, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế của Tỉnh.

g) Khoa học và công nghệ kết hợp đào tạo

Kêu gọi đầu tư hình thành và phát triển một cụm liên kết ngành về khoa học - công nghệ cao gắn với đổi mới sáng tạo và đào tạo, đưa dịch vụ khoa học công nghệ trở thành lĩnh vực đóng góp quan trọng trong tăng trưởng kinh tế của Tỉnh.

Tổ chức, cơ cấu lại các cơ sở KHCN công lập gắn với chuyển đổi số. Đẩy mạnh hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, kết nối các nguồn lực cho phát triển. Hình thành khu công nghệ cao và đẩy mạnh thu hút đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng nông nghiệp công nghệ cao. Hình thành một số tổ chức khoa học công nghệ ngoài công lập hiện đại trong một số lĩnh vực như: nông nghiệp, y tế, kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm.

h) Chuyển đổi số, phát triển kinh tế số

Thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện, trọng tâm là phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; đổi mới căn bản, toàn diện về phương pháp, cách thức hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị, quản trị nhà nước, doanh nghiệp và phương thức sống, làm việc của người dân.

Tăng cường cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Triển khai xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, xã hội số. Hoàn thiện hạ tầng 4G, chuẩn bị phát triển hạ tầng 5G tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị.

2. Phương hướng phát triển một số ngành, lĩnh vực khác

a) Công nghiệp khai khoáng

Phát triển công nghiệp khai khoáng theo hướng bền vững, đảm bảo môi trường sinh thái, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả tài nguyên, nguồn nước, xử lý nước thải, khói bụi; đảm bảo cảnh quan thiên nhiên được phục hồi sau khai thác. Hình thành một số khu, cụm công nghiệp chế biến khoáng sản tập trung. Khuyến khích thu hút các dự án đầu tư chế biến sâu khoáng sản, công nghệ hiện đại, bảo đảm về môi trường, nâng cao chất lượng sản phẩm chế biến, gia tăng giá trị xuất khẩu; từng bước chấm dứt việc khai thác, tiêu thụ sản phẩm thô.

Tổ chức khai thác khoáng sản titan gắn với xây dựng các nhà máy chế biến sâu quặng titan (rutil nhân tạo, pigment, titan xốp, titan kim loại, titan - zircon) theo hướng sử dụng công nghệ tiên tiến, không gây ô nhiễm môi trường, đưa Bình Thuận trở thành trung tâm khai thác, chế biến sâu quặng titan của cả nước.

Phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên cơ sở phát huy tối đa những lợi thế về tiềm năng, kết hợp chặt chẽ với bảo vệ môi trường sinh thái bền vững; tăng cường quản lý chặt chẽ việc khai thác cát xây dựng trên sông và khai thác các vật liệu xây dựng thông thường.

b) Giáo dục và đào tạo

Xây dựng nền giáo dục mở, hiện đại và hội nhập, đảm bảo công bằng, bình đẳng để mọi người dân được tiếp cận các loại hình dịch vụ giáo dục và đào tạo từ cơ bản đến chất lượng cao ở tất cả các bậc học. Huy động mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo công lập đạt chuẩn quốc gia; khuyến khích thu hút đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục - đào tạo ngoài công lập theo hướng chuẩn hóa, hiện đại để hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Hướng đến sau năm 2030, Tỉnh trở thành một trong những trung tâm đào tạo nhân lực có chất lượng cao của vùng, cả nước trong một số chuyên ngành.

c) Văn hóa, thể thao

Tăng cường đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới và bố trí hợp lý không gian mạng lưới cơ sở vật chất, công trình, dự án, thiết chế văn hóa, thể thao giữa các vùng, miền, địa phương trên địa bàn Tỉnh nhằm bảo tồn, phát huy, khai thác hiệu quả các giá trị văn hóa, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, công trình, dự án, thiết chế văn hóa thể thao đáp ứng nhu cầu thụ hưởng các giá trị văn hóa lịch sử truyền thống, nhu cầu tập luyện thi đấu thể thao, rèn luyện sức khỏe của các tầng lớp Nhân dân, gắn với phát triển du lịch.

d) Thông tin, truyền thông

Huy động các nguồn lực để đẩy mạnh đầu tư hạ tầng thông tin, truyền thông và hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, phục vụ chuyển đổi số toàn diện. Phát triển các cơ quan báo chí theo mô hình Trung tâm truyền thông đa phương tiện có công nghệ hiện đại.

đ) Quốc phòng, an ninh

Thống nhất tư tưởng, nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng đối với chiến lược về quốc phòng, an ninh trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; bảo vệ biển, đảo và chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

Xây dựng thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ nhằm nâng cao khả năng phòng thủ; bố trí quốc phòng phù hợp với thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ kết hợp lưỡng dụng, hài hòa với quy hoạch phát triển chung của Tỉnh. Đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật để phát triển kinh tế kết hợp đầu tư xây dựng công trình chiến đấu, công trình lưỡng dụng, vũ khí, trang thiết bị phù hợp; xây dựng lực lượng bộ đội thường trực, dự bị động viên, dân quân tự vệ chất lượng, hiệu quả, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu đáp ứng mọi nhu cầu bảo vệ đất nước trong tình hình mới. Phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh bảo đảm kết hợp thực hiện nhiệm vụ trong tác chiến bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội; hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước; khách quốc tế và các sự kiện quan trọng diễn ra tại địa phương; tính mạng và tài sản của Nhân dân. Gắn phát triển kinh tế với đảm bảo an ninh, an toàn và trật tự xã hội, hạnh phúc, bình an của Nhân dân. Xây dựng lực lượng Công an nhân dân thực sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của lực lượng công an ở tất cả các cấp; tập trung xây dựng doanh trại, trụ sở làm việc của Công an tỉnh, huyện, xã đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về "Đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới".

3. Phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội và phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã

a) Bố trí không gian phát triển mới, phù hợp với các định hướng, mục tiêu chung về phát triển kinh tế - xã hội theo nguyên tắc: "Một trục động lực - Hai trục

liên kết - Ba trung tâm - Ba hành lang phát triển"; tăng cường kết nối tạo động lực cho phát triển tỉnh từ vùng Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, liên kết hoạt động kinh tế - xã hội với các tuyến hành lang kinh tế phía Nam và xa hơn. Trong đó:

- Một (01) trục động lực: Trục Đông Bắc - Tây Nam gắn với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đường sắt tốc độ cao, đường sắt quốc gia và QL1A; kết nối giao thông quan trọng với tiểu vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và vùng Đông Nam Bộ, đặc biệt là kết nối với TP. Hồ Chí Minh.

- Hai (02) trục liên kết: (1) Trục liên kết du lịch gắn du lịch biển của Bình Thuận với du lịch núi rừng của vùng Tây Nguyên. Hình thành các cụm điểm du lịch trong khu vực hành lang hỗ trợ phát triển thuộc vùng cao phía Tây, Tây Bắc của Tỉnh; phát triển đô thị và các dịch vụ công nghiệp nhẹ tập trung, công nghiệp đa ngành nghề và khai thác sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm sản và làng nghề truyền thống; (2) Trục liên kết sản xuất gắn với nguồn tài nguyên khoáng sản, nông lâm sản vùng Tây Nguyên kết hợp với tài nguyên khoáng sản, nông lâm, thủy sản tại chỗ. Bố trí các cụm công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến, sơ chế nông sản hỗ trợ phát triển khu vực phía Tây, Tây Bắc của Tỉnh.

- Ba (03) trung tâm: (1) Trung tâm tỉnh gồm khu vực thành phố Phan Thiết và phụ cận; (2) Trung tâm phía Nam với hạt nhân là đô thị La Gi và (3) Trung tâm phía Bắc với hạt nhân là đô thị Liên Hương. Các trung tâm được bố trí kết nối với trục động lực và gắn kết với các chức năng công nghiệp, du lịch và đầu mối giao thông vận tải (cảng hàng không, cảng biển, ga đường sắt và các trung tâm tiếp vận).

- Ba (03) hành lang phát triển: (1) Hành lang phát triển thứ nhất gắn với trục động lực; (2) Hành lang ven biển cùng với việc hình thành tuyến giao thông đường bộ ven biển kết nối các chức năng: Công nghiệp - du lịch - đô thị - nông nghiệp ven biển là khu vực năng động về phát triển kinh tế theo chủ trương phát triển hướng biển, khai thác tối đa lợi thế, tiềm năng từ biển và (3) Hành lang hỗ trợ phát triển kết nối các khu vực phía Tây, Tây Bắc hướng tới mục tiêu "không để ai bị bỏ lại phía sau"; chia sẻ các tiềm năng, tài nguyên, nguồn lực trong việc phát triển, kết hợp với 02 trục liên kết. Tổ chức các đô thị dọc theo các điểm giao cắt giữa hành lang hỗ trợ phát triển và các trục liên kết để hình thành các trung tâm hỗ trợ.

b) Liên kết không gian vùng huyện, liên huyện theo hướng tổ chức không gian tỉnh gồm 04 vùng:

- Vùng Trung tâm: Bao gồm thành phố Phan Thiết, huyện Hàm Thuận Bắc, huyện Hàm Thuận Nam, huyện đảo Phú Quý, với hạt nhân phát triển là thành phố Phan Thiết, kết nối với không gian các đô thị vệ tinh như: Ma Lâm, Thuận Nam.

- Vùng Đông Bắc: Bao gồm huyện Bắc Bình, huyện Tuy Phong, hạt nhân là đô thị Phan Rí Cửa - Liên Hương bán kính ảnh hưởng 20 - 30 km, kết nối với các đô thị trong vùng là Chợ Lầu, Lương Sơn, Vĩnh Tân.

- Vùng Tây Nam: Bao gồm thị xã La Gi và huyện Hàm Tân, hạt nhân là Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Hàm Tân, đô thị La Gi, bán kính ảnh hưởng 10 - 30 km, kết nối với các khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ trong vùng.

- Vùng Tây Bắc: Bao gồm huyện Đức Linh, huyện Tánh Linh, hạt nhân là đô thị Võ Xu bán kính ảnh hưởng 10 km, kết nối với các đô thị trong vùng như thị trấn Lạc Tánh, thị trấn Đức Tài.

c) Định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

- Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện giai đoạn 2023 - 2030:

+ Giai đoạn 2023 - 2025: Không có đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện phải sắp xếp.

+ Giai đoạn 2026 - 2030: Thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định.

- Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã:

+ Giai đoạn 2023 - 2025: Sắp xếp 08 đơn vị hành chính cấp xã gồm: Phường Lạc Đạo, Đức Nghĩa, Đức Thắng, Bình Hưng, Hưng Long, Thanh Hải và xã Tiến Lợi, Phong Nẫm, thành phố Phan Thiết.

+ Giai đoạn 2026 - 2030: Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; đơn vị hành chính cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định. Sắp xếp 04 đơn vị hành chính cấp xã gồm: Phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết; phường Phước Lộc, thị xã La Gi; thị trấn Tân Minh, huyện Hàm Tân và xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong.

- Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của đơn vị hành chính thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Việc lập và thực hiện quy hoạch sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 ngoài tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số cần phải tính đến kết quả sắp xếp giai đoạn trước, đơn vị hành chính ổn định từ lâu, có vị trí biệt lập, có các yếu tố đặc thù và các đơn vị hành chính nông thôn đã được quy hoạch thành đơn vị hành chính đô thị. Việc xác định phạm vi, ranh giới, tên địa lý và triển khai phương án sắp xếp cụ thể các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sẽ được thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

a) Hệ thống đô thị

Đến năm 2030, tỉnh Bình Thuận có 16 đô thị, trong đó có 01 đô thị loại II là thành phố Phan Thiết, 01 đô thị loại III (thành phố La Gi), 03 đô thị loại IV (Phan Rí Cửa, Liên Hương, Võ Xu), 11 đô thị loại V (Vĩnh Tân, Chợ Lầu, Lương Sơn, Ma Lâm, Thuận Nam, Tân Nghĩa, Tân Minh, Sơn Mỹ, Lạc Tánh, Đức Tài, Phú Quý).

b) Định hướng phát triển thành phố Phan Thiết và thị xã La Gi:

- Thành phố Phan Thiết là đô thị loại II (trong kỳ quy hoạch, nếu đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chí theo quy định hiện hành thì nâng cấp thành đô thị loại I sớm hơn so với mục tiêu, định hướng của Quy hoạch tỉnh đã đề ra). Thành phố Phan Thiết phát triển trên cơ sở mở rộng không gian về phía Bắc trên địa bàn huyện Hàm Thuận Bắc và phía Tây trên địa bàn huyện Hàm Thuận Nam, bao gồm hình thành khu đô thị sân bay Phan Thiết.

Thành phố Phan Thiết là đô thị trung tâm của Tỉnh, của vùng duyên hải Nam Trung Bộ; là đầu mối giao thông liên kết liên vùng huyện, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, thương mại, công nghiệp, khai thác và chế biến hải sản của Tỉnh; trung tâm du lịch và dịch vụ cấp quốc gia và quốc tế; là vùng đô thị động lực, trung tâm giao lưu, kết nối với vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, vùng Đông Nam Bộ và vùng Tây Nguyên.

- Thị xã La Gi: Là đô thị loại III trực thuộc tỉnh (trong kỳ quy hoạch, nếu đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chí theo quy định hiện hành thì thực hiện nâng cấp thành đô thị loại II theo quy định hiện hành).

Thị xã La Gi là đô thị động lực của Tỉnh, trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật, công nghiệp tập trung, khai thác, chế biến hải sản thuộc tiểu vùng phía Nam tỉnh Bình Thuận; trung tâm du lịch sinh thái biển, du lịch văn hóa, lịch sử cấp vùng.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

2. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

Phát triển nông thôn toàn diện, hiện đại, xanh, sạch, đẹp gắn với quá trình đô thị hóa, có cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ có chất lượng tiệm cận với khu vực đô thị; phát triển các đô thị vệ tinh giảm tải cho các đô thị chính và từng bước đưa phát triển đô thị về địa bàn nông thôn. Xây dựng các khu dân cư nông thôn theo mô hình nông thôn mới đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cơ sở tổ chức lại các điểm dân cư hiện hữu, gắn với vùng sản xuất, phù hợp với phong tục tập quán, đặc điểm tự nhiên của từng vùng trong Tỉnh; bố trí lại các điểm dân cư đối với khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai, sạt lở; quy hoạch các khu chức năng hợp lý, đảm bảo tiết kiệm nguồn lực và đáp ứng tối đa nhu cầu cung cấp dịch vụ cho người dân.

3. Phương án quy hoạch các khu chức năng

a) Phương án phát triển khu kinh tế ven biển

Nghiên cứu hình thành khu kinh tế ven biển phía Nam tỉnh Bình Thuận nằm trên địa bàn huyện Hàm Tân và thị xã La Gi (với diện tích khoảng 27.000 ha) khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định hiện hành để thu hút đầu tư các dự án có quy mô lớn về cảng biển và dịch vụ cảng biển, năng lượng, điện khí LNG, công nghiệp chế biến, chế tạo… gắn với phát triển các khu công nghiệp, khu đô thị, thương mại, dịch vụ hiện đại.

(Chi tiết tại Phụ lục II)

b) Phương án phát triển các khu công nghiệp

Đẩy mạnh đầu tư hoàn thành hạ tầng kỹ thuật của các khu công nghiệp đã thành lập; đổi mới, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư các dự án vào các khu công nghiệp, nhất là các dự án có hàm lượng công nghệ cao, các dự án chế biến, chế tạo,

công nghiệp hỗ trợ, phụ trợ, thân thiện môi trường. Trong đó sớm hình thành tổ hợp công nghiệp, đô thị, dịch vụ, logistics, cảng biển, kho cảng khí LNG tại khu vực Hàm Tân - La Gi gắn với bến cảng tổng hợp Sơn Mỹ.

Đến năm 2030 đầu tư hoàn thành 10 Khu công nghiệp trên địa bàn Tỉnh đi vào hoạt động hiệu quả, diện tích được phân bổ theo chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp thẩm quyền phê duyệt. Xem xét mở rộng, phát triển mới 06 khu công nghiệp theo nhu cầu phát triển của Tỉnh khi được cấp có thẩm quyền bổ sung chỉ tiêu quy hoạch diện tích đất khu công nghiệp.

(Chi tiết tại Phụ lục II)

c) Phương án phát triển các cụm công nghiệp

Tiếp tục phát triển các cụm công nghiệp có tính chất đa ngành, phù hợp với tiềm năng, thế mạnh từng địa phương. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng các cụm công nghiệp đã có nhà đầu tư. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng, sớm triển khai xây dựng hoàn thành, thu hút các dự án thứ cấp đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đến năm 2030, trên địa bàn Tỉnh có tổng số 38 cụm công nghiệp đi vào hoạt động hiệu quả. Tiếp tục nghiên cứu xác định bổ sung thành lập mới một số cụm công nghiệp có tiềm năng phát triển của địa phương khi đáp ứng các điều kiện theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục II)

d) Phương án phát triển các khu du lịch

Đẩy mạnh hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Bình Thuận trở thành Trung tâm Du lịch - Thể thao biển mang tầm quốc gia, quốc tế. Đồng thời, tiếp tục phát triển thương hiệu du lịch "Hàm Tiến - Mũi Né"; khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của dải du lịch ven biển và vùng biển đảo Phú Quý; bảo vệ và khai thác hiệu quả, bền vững các khu bảo tồn biển, khu bảo tồn thiên nhiên, khu sinh thái rừng ngập mặn; quy hoạch và thực hiện đầu tư phát triển các khu du lịch, các tổ hợp du lịch, kết hợp các loại hình du lịch hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện (MICE) tạo động lực thúc đẩy các ngành dịch vụ khác phát triển; phát triển hạ tầng phục vụ du lịch; phát triển kinh tế ban đêm gắn với du lịch tại những địa điểm phù hợp.

(Chi tiết tại Phụ lục III)

đ) Phương án phát triển khu nghiên cứu, đào tạo, khu công nghệ cao.

Thu hút các doanh nghiệp khoa học - công nghệ và một số cơ sở đào tạo (Học viện, trường Đại học) có uy tín, thương hiệu về công nghệ ở trong và ngoài nước đầu tư hình thành trung tâm khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ nghiên cứu và phát triển (R&D) tại Tổ hợp đô thị du lịch biển (khu du lịch MICE) khu vực huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận và hình thành Khu công nghệ cao tỉnh Bình Thuận khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định hiện hành.

(Chi tiết tại Phụ lục IV)

e) Phương án phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên

Tiếp tục thực hiện tốt việc bảo tồn, phát huy, kết hợp khai thác phát triển du lịch đối với 02 khu bảo tồn thiên nhiên (Tà Kóu, Núi Ông) và khu bảo tồn biển Hòn Cau.

(Chi tiết tại Phụ lục V)

g) Phương án phát triển hạ tầng nhà ở, khu dân cư, tái định cư

Bố trí đủ quỹ đất, khuyến khích, ưu tiên các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp cùng với nhà nước đầu tư phát triển các khu dân cư, khu đô thị, khu tái định cư, khu nhà ở xã hội gắn với các công trình phục vụ chỉnh trang đô thị, bảo vệ môi trường trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

(Chi tiết tại Phụ lục VI)

4. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tại các khu vực có tiềm năng, điều kiện tự nhiên thuận lợi đối với trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt thủy sản theo hướng nông nghiệp công nghệ cao:

- Vùng nông nghiệp: tập trung sản xuất lúa hàng hóa (Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Tánh Linh, Đức Linh), cây cao su (Tánh Linh, Đức Linh, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân), chuyên canh cây ăn quả (Hàm Thuận Nam, Hàm Thuận Bắc, Bắc Bình, Hàm Tân), cây điều (Hàm Thuận Nam, Đức Linh, Tánh Linh, Bắc Bình). Vùng chăn nuôi bò tập trung tại các huyện Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc. Phát triển mô hình chăn nuôi đàn dê, cừu (Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc), nuôi chim Yến ở khu vực phù hợp.

- Vùng lâm nghiệp: Bảo vệ rừng hiện có, trồng mới rừng, khoanh nuôi tái sinh, nuôi dưỡng rừng, khai thác rừng hợp lý, tiếp tục tăng dần độ che phủ rừng.

- Vùng thủy sản: Tăng cường khai thác xa bờ, nuôi trồng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đưa Bình Thuận trở thành trung tâm nghề cá lớn của vùng và cả nước, trong đó chủ yếu là chế biến thủy sản, sản xuất giống, hạ tầng dịch vụ nghề cá hiện đại. Tập trung vào các sản phẩm chủ lực có sản lượng và khả năng cạnh tranh cao. Đẩy mạnh đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nghề cá.

- Vùng cây dược liệu: Khuyến khích phát triển trồng cây dược liệu ở những nơi có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng thích hợp; ưu tiên mở rộng diện tích trồng cây dược liệu dưới tán rừng.

5. Phương án phân bố không gian phát triển đô thị và các điểm dân cư nông thôn

Không gian phát triển đô thị trên cơ sở mở rộng không gian đô thị hiện hữu, phát triển mật độ cao tại các khu vực trung tâm gắn với vùng huyện, liên huyện. Không phát triển dàn trải đô thị theo các tuyến hạ tầng đối ngoại. Hạn chế tăng mật độ đô thị trong các vùng sản xuất nông nghiệp. Các điểm dân cư nông thôn phát triển tập trung, theo chiều sâu, không phân tán, ưu tiên bố trí tại các lưu vực sông có các nguồn lực, điều kiện sản xuất, kinh doanh thuận lợi tại các đô thị ven sông, khu vực giao thoa giữa giao thông thủy và giao thông bộ, gần các trục kết nối.

6. Phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực

Khu vực có vai trò động lực của tỉnh bao gồm: (1) Thành phố Phan Thiết; (2) Thị xã La Gi; (3) Huyện Tuy Phong; (4) Khu kinh tế, khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp trên địa bàn.

Tập trung huy động mọi nguồn lực đầu tư thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội; nâng cao vị trí, phát huy vai trò của các khu vực động lực để dẫn dắt, lan tỏa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường hội nhập, giao thương giữa các vùng, địa phương trong tỉnh với các vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung bộ, Đông Nam Bộ, Tây Nguyên cũng như với cả nước và quốc tế.

Tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư, hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật (trọng tâm là hạ tầng giao thông vận tải); hạ tầng xã hội (trọng tâm là hạ tầng giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo). Ưu tiên, tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút, triển khai xây dựng, khai thác các dự án, chương trình, công trình lớn của quốc gia, vùng, tỉnh trên địa bàn tạo động lực lan tỏa cho các vùng khác phát triển.

Đầu tư xây dựng và đưa vào khai thác vận hành hệ thống giao thông trục Đông Bắc - Tây Nam gắn với hệ thống đường cao tốc, đường sắt tốc độ cao, đường sắt quốc gia và các quốc lộ để hình thành "Trục động lực" từ La Gi - Phan Thiết - Tuy Phong. Hoàn thành việc xây dựng Cảng hàng không Phan Thiết và đưa vào khai thác trong năm 2025; nâng công suất bến cảng Vĩnh Tân phục vụ cho phát triển công nghiệp và xuất nhập khẩu của Tỉnh. Các khu công nghiệp được rà soát, điều chỉnh, đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, đảm bảo phát triển nhanh, bền vững, hình thành các cụm liên kết theo chuỗi giá trị.

7. Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

Ưu tiên huy động mọi nguồn lực, đầu tư phát triển nhanh, bền vững và toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; các khu vực, vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn của Tỉnh. Giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn, cải thiện rõ rệt đời sống và nâng cao sinh kế của người dân.

Chú trọng thu hút các nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, kết nối với các khu vực phát triển của Tỉnh. Ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng giao thông nội tỉnh đảm bảo đồng bộ, hợp lý, giữa các phương thức đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường hàng không, kết nối các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với những khu vực có vai trò động lực của Tỉnh và kết nối thuận lợi với hạ tầng giao thông quốc gia. Phát triển hệ thống giao thông trục chính và giao thông nông thôn để phục vụ sản xuất và đời sống, thúc đẩy giao thương hàng hóa trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với các địa phương khác trong Tỉnh. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư và chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Thực hiện chính sách đặc thù tuyển dụng công chức, viên chức đối với người dân tộc thiểu số, nhất là nhóm dân tộc thiểu số rất ít người. Ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ cao, các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, các vùng sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa gắn trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số trong toàn Tỉnh.

Ưu tiên thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 cho các huyện, xã thuộc khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

của Tỉnh. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đào tạo nghề và giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đối với lao động dân tộc thiểu số, thanh niên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp. Nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế; tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận dịch vụ y tế, khám, chữa bệnh ở các tuyến thông qua chính sách bảo hiểm y tế. Đầu tư hệ thống thiết chế văn hóa, bảo tồn và phát huy có hiệu quả các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của đồng bào; đồng thời, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu ảnh hưởng đến đời sống văn hóa, tinh thần và môi trường.

Tiếp tục xây dựng khu vực phòng thủ ở các địa bàn trọng điểm trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Triển khai thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường quốc phòng - an ninh.

8. Phương án xác định khu quân sự, khu an ninh

Xây dựng khu quân sự, khu an ninh đảm bảo thế trận quốc phòng trong khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc, các khu vực sẵn sàng phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Tỉnh.

Việc xác định các khu quân sự, khu an ninh trên địa bàn Tỉnh đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất do Thủ tướng Chính phủ phân bổ. Việc bố trí xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh trên địa bàn được thực hiện theo các quy hoạch chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

Phát triển mạng lưới hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, đảm bảo tính liên kết, kết nối liên ngành, liên vùng, liên khu vực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của Tỉnh, đảm bảo an ninh và quốc phòng. Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng thúc đẩy phát triển vận tải đa phương thức. Tập trung nâng cấp các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, các tuyến kết nối ngang, đầu tư mở mới một số tuyến phục vụ khai phá tiềm năng của Tỉnh và kết nối phục vụ phát triển công nghiệp, du lịch, khu vực dân cư, đô thị. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển mạng lưới đường sắt, đường biển và hàng không đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách. Đầu tư xây dựng cảng cạn và phát triển dịch vụ logistics.

a) Đường bộ

Đầu tư xây dựng các tuyến đường cao tốc, đường ven biển quốc gia theo quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ quốc gia trên địa bàn; nâng cấp mở rộng hệ thống quốc lộ trên địa bàn Tỉnh; nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc kết nối Vĩnh Hảo (Bình Thuận) - Liên Khương (Lâm Đồng) theo quy định hiện hành để tăng cường liên kết vùng, đẩy mạnh giao thương, phát triển dịch vụ, du lịch giữa các địa phương thuộc tiểu vùng Nam Tây Nguyên và tiểu vùng duyên hải Trung Bộ, bảo đảm phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nâng cấp, cải tạo, mở mới một số tuyến đường tỉnh có tính chất quan trọng đạt từ cấp II - III, các tuyến còn lại tối thiểu đạt cấp IV.

Xây dựng mới, nâng cấp cải tạo các trục giao thông kết nối với mạng lưới giao thông quan trọng quốc gia (đường quốc lộ 1A, đường bộ cao tốc, đường ven biển quốc gia, đường sắt, cảng hàng không Phan Thiết, bến cảng Vĩnh Tân, bến cảng Sơn Mỹ) đến các khu đô thị, du lịch (nhất là Khu du lịch ven biển quốc gia Mũi Né), các khu, cụm công nghiệp và các khu vực tiềm năng phát triển của Tỉnh, bao gồm:

- Nâng cấp cải tạo đảm bảo đúng cấp kỹ thuật hệ thống đường tỉnh, kết cấu mặt đường được thảm bê tông nhựa, láng nhựa hoặc bê tông xi măng 100%; cải tạo hoặc xây dựng mới hệ thống cầu cống nhằm đảm bảo an toàn giao thông, phù hợp với tải trọng khai thác; xây dựng một số tuyến kết nối với các khu công nghiệp tập trung, khu du lịch trọng điểm của Tỉnh; cải tạo, mở rộng, tăng thêm chiều dài các tuyến ở những khu vực cần thiết, bảo đảm phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

- Đầu tư 09 tuyến giao thông kết nối liên thông với đường bộ cao tốc đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp III đồng bằng, quy mô tối thiểu 2 làn xe; 06 tuyến giao thông chính kết nối đến Cảng hàng không Phan Thiết, Khu du lịch quốc gia Mũi Né; phát triển 05 tuyến giao thông phục vụ phát triển dịch vụ logistics tại khu vực bến cảng Vĩnh Tân.

- Đầu tư phát triển, từng bước đồng bộ, hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống giao thông đô thị theo quy hoạch hệ thống đô thị của Tỉnh và quy hoạch các đô thị trong huyện. Đầu tư tuyến đường ven biển nối trung tâm Phan Thiết với khu vực phía Nam và phía Bắc Phan Thiết. Đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo quy mô, tính chất đô thị. Dành quỹ đất để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình ngầm và trồng cây xanh.

b) Đường sắt

Nâng cấp tuyến đường sắt Bắc - Nam hiện có đạt tiêu chuẩn kỹ thuật cấp II, nghiên cứu xây dựng các tuyến đường nhánh kết nối đến bến cảng Vĩnh Tân phục vụ vận tải hàng hóa cho khu vực logistics Vĩnh Tân; cải tạo tuyến nhánh từ ga Bình Thuận đến ga Phan Thiết phục vụ vận tải hành khách chất lượng cao; xây dựng đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam theo quy hoạch được phê duyệt; xây dựng hệ thống các ga đường sắt và hạ tầng kết nối với hệ thống giao thông đối ngoại.

c) Cảng biển

Hoàn thành việc mở rộng, nâng cấp các bến cảng trên địa bàn Tỉnh, trong đó bến cảng Vĩnh Tân, bến cảng Sơn Mỹ phục vụ phát triển công nghiệp, năng lượng; bến cảng Kê Gà phục vụ nhà máy điện khí LNG Kê Gà; bến cảng Phú Quý, bến cảng Phan Thiết phục vụ cho vận tải hàng hóa, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân và phát triển du lịch. Nghiên cứu xây dựng các bến cảng du lịch và bến cảng chuyên dùng phục vụ công nghiệp khai thác, chế biến sâu titan gắn với xuất khẩu sản phẩm tại vị trí phù hợp bảo đảm phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Cảng hàng không

Xây dựng hoàn thiện và đưa vào sử dụng Cảng hàng không Phan Thiết đạt cấp 4E, công suất đạt 3 triệu hành khách/năm theo đúng tiến độ; thực hiện duy tu, bảo dưỡng và nghiên cứu cải tạo, nâng cấp, mở rộng năng lực khi cần thiết đáp ứng yêu cầu phát triển của Tỉnh. Nghiên cứu đầu tư xây dựng sân bay chuyên dùng tại huyện đảo Phú Quý theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

đ) Cảng cạn

Thu hút đầu tư xây dựng 01 cảng cạn tại huyện Hàm Thuận Nam cung cấp các dịch vụ cảng cạn theo hành lang vận tải Quốc lộ 1. Nghiên cứu thu hút đầu tư xây dựng 02 cảng cạn khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định hiện hành và phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để phục vụ cho hàng hóa xuất nhập khẩu tại các khu công nghiệp của tỉnh và phân phối hàng hóa nhập khẩu cho khu vực, vùng lân cận, bao gồm: cảng cạn Hàm Tân; cảng cạn Vĩnh Tân; quy mô mỗi cảng cạn từ 6 - 12 ha.

e) Đường thủy nội địa

Cải tạo các cửa sông gắn với phương án phát triển cảng cá, khu vực tránh trú bão đảm bảo an toàn cho các tàu thuyền vận tải tại các cửa sông ở Phan Thiết, Phú Hải, La Gi, Phan Rí Cửa, Liên Hương. Tăng cường quản lý nhà nước, kiểm tra điều kiện an toàn, trang bị phương tiện cứu sinh… nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối các hoạt động của tàu thuyền.

Xây dựng các bến thuyền - bến thủy nội địa phục vụ tuyến đường thủy nội địa ven bờ gắn với phương án phát triển các khu, điểm du lịch dọc bờ biển.

g) Hệ thống giao thông tĩnh

Tập trung nâng cấp các bãi đỗ xe hiện hữu. Xây dựng mới 2 bến xe tải quy mô lớn (Bến xe tải Vĩnh Tân và Bến xe tải Phan Thiết). Đầu tư xây dựng các bãi đỗ xe tải tại khu vực các khu công nghiệp tập trung, các bãi đỗ xe và công trình giữ xe trong đô thị.

(Chi tiết tại Phụ lục VII)

2. Phương án phát triển hạ tầng năng lượng, cấp điện

Phát triển hạ tầng năng lượng, mạng lưới cấp điện phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương án phát triển nguồn điện, lưới điện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Hệ thống nguồn điện

Phát triển, nâng tổng công suất các nguồn điện phù hợp với tiềm năng phát triển năng lượng điện của địa phương, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng sạch như: Điện gió ngoài khơi, hydrogen, điện mặt trời và điện khí LNG; nghiên cứu khai thác tối đa tiềm năng thủy điện trên các hồ thủy lợi, các hồ chứa nước, thủy điện tích năng.

Đầu tư dự án Trung tâm điện lực Vĩnh Tân theo kế hoạch. Hình thành trung tâm điện lực Sơn Mỹ theo kế hoạch đến năm 2030 (đạt 4.500 MW). Báo cáo cấp có thẩm quyền về đầu tư dự án thủy điện La Ngâu theo quy định hiện hành. Các dự án điện gió, điện mặt trời thực hiện theo quy hoạch năng lượng quốc gia, ưu tiên phát triển điện gió ngoài khơi và trên bờ ở các vùng đất có hiệu quả kinh tế thấp.

b) Hệ thống truyền tải điện 500 kV, 220 kV

Hoàn thành đầu tư, nâng cấp, cải tạo mạng lưới 500KV, 220KV kết nối các trung tâm điện lực với lưới điện quốc gia theo Quy hoạch điện VIII. Dự phòng phát sinh lưới 500KV, 220KV cho các nhu cầu xây mới, cải tạo nâng công suất, triển khai thực hiện khi đủ điều kiện theo quy định.

c) Lưới điện 110 kV

Cân đối nguồn và phụ tải cho từng vùng, khu vực trong toàn Tỉnh theo từng giai đoạn; xây dựng phương án cải tạo, nâng công suất và xây dựng mới các trạm 110KV và các tuyến 110 kV đáp ứng nhu cầu phát triển.

d) Lưới điện trung thế

Đầu tư xây dựng các lộ ra cho các trạm biến áp 110kV đã, đang và sẽ đưa vào vận hành; tăng cường tiết diện và liên kết mạch vòng các tuyến trục trung thế để khai thác hiệu quả các trạm biến áp 110kV nhằm cung cấp điện liên tục và ổn định cho các phụ tải quan trọng của các vùng, đồng thời phát triển lưới điện cho các khu, cụm công nghiệp, các khu dân cư, đô thị, các cơ sở kinh tế - xã hội khác trên địa bàn Tỉnh, đảm bảo cấp điện ổn định cho các khách hàng. Ngầm hóa lưới điện trung thế ở một số khu vực để đảm bảo mỹ quan đô thị.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII)

3. Phương án phát triển hạ tầng thủy lợi, cấp, thoát nước

a) Hạ tầng mạng lưới thủy lợi liên huyện

Phát triển hạ tầng thủy lợi bảo đảm tưới, cấp nước, tiêu, thoát nước cho nông nghiệp, dân sinh, các ngành kinh tế. 85% diện tích lúa 2 vụ tại các vùng có điều kiện thuận lợi về nguồn nước và 75 - 85% diện tích lúa 2 vụ tại các vùng khó khăn về nguồn nước được tưới nước chủ động; 25% diện tích cây trồng cạn được tưới nước.

Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh hệ thống các hồ thủy lợi, hệ thống kênh mương nối mạng liên huyện. Đầu tư hồ La Ngà 3, tận dụng kết nối nguồn nước sau các hồ chứa thủy điện cấp nước khu vực phía Nam của Bình Thuận. Đầu tư nâng cấp các hồ chứa tại các vùng có nguồn nước dồi dào để tạo nguồn, cấp nước cho khu vực hạ du và kết nối, chuyển nước bằng hệ thống mạng lưới kênh mương, đường ống. Đầu tư các Hồ chứa nước mưa và nâng cao mực nước ngầm trên đảo Phú Quý.

(Chi tiết tại Phụ lục IX)

b) Hạ tầng cấp nước, thoát nước

- Từng bước đầu tư đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tối đa nhu cầu về số lượng, chất lượng cấp nước cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt. Tiếp tục đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các công trình, nhà máy cấp nước, mạng lưới đường ống trên địa bàn toàn Tỉnh; ưu tiên xây dựng công trình cấp nước tập trung cho các khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, khu kinh tế, đô thị, khu công nghệ cao, khu du lịch. Bố trí đủ quỹ đất và đẩy mạnh thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực phát triển hạ tầng cấp nước trên địa bàn Tỉnh.

- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước thải, nước mưa tại các khu đô thị, nông thôn, khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp… đảm bảo đồng bộ, tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành, phù hợp với các quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

(Chi tiết tại Phụ lục X)

4. Phương án phát triển hạ tầng xử lý chất thải

Tăng cường việc thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn. Phòng ngừa, kiểm soát chặt chẽ, giảm thiểu phát sinh chất thải rắn trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư xử lý chất thải rắn tập trung cấp tỉnh, liên huyện, vùng huyện với ứng dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn tiên tiến, thân thiện, bảo vệ môi trường.

(Chi tiết tại Phụ lục XI)

5. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

Phát triển hạ tầng mạng thông tin di động 5G, hạ tầng Internet kết nối vạn vật (IoT) phục vụ chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh. Ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông. Thu hút các dự án phát triển hạ tầng số, nhất là các dự án trung tâm lưu trữ dữ liệu số (Data, Center, Digital Hub). 100% các khu dân cư, khu đô thị, khu du lịch, các tuyến đường xây dựng mới thực hiện ngầm hóa mạng cáp viễn thông, mạng lưới điện hạ thế, trung thế.

Hoàn thiện hạ tầng 4G, phát triển mở rộng hạ tầng 5G tại các khu công nghiệp, khu đô thị để hỗ trợ sản xuất thông minh nhằm đón các làn sóng đầu tư mới vào Tỉnh. Đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin cho các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã/phường. Thực hiện số hóa cơ sở dữ liệu các ngành; xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung của Tỉnh đảm bảo kết nối, liên thông các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia.

Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị hiện đại cho các bưu cục theo hướng cung cấp đa dịch vụ. Phát triển các điểm phục vụ bưu chính tại các khu đô thị, khu công nghiệp mới trên toàn Tỉnh. Duy trì các cơ sở báo chí, phát triển các trang thông tin điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước. Phát triển hạ tầng phát thanh truyền hình đồng bộ với hạ tầng viễn thông.

(Chi tiết tại Phụ lục XII)

6. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy (PCCC)

Bố trí trụ sở doanh trại, công trình phục vụ công tác PCCC và cứu nạn cứu hộ tại trung tâm các huyện, thị xã, thành phố; các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu thương mại, dịch vụ và địa bàn trọng điểm có nguy cơ về cháy nổ bảo đảm thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc.

Phát triển đồng bộ hệ thống giao thông trên địa bàn Tỉnh đảm bảo các yêu cầu phối hợp và phục vụ cho hoạt động PCCC và cứu nạn cứu hộ. Phát triển hạ tầng cấp, thoát nước của Tỉnh tuân thủ các quy định về nguồn nước chữa cháy.

Trang bị và xây dựng hệ thống thông tin liên lạc, kết nối hệ thống hạ tầng thông tin, viễn thông của Tỉnh để phục vụ công tác chỉ huy điều hành công tác PCCC và cứu nạn, cứu hộ, bảo đảm an toàn cho phát triển - kinh tế xã hội và cuộc sống người dân. Quy hoạch sử dụng đất an ninh xây dựng mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy chữa cháy.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới cơ sở vật chất, trang thiết bị các trường công lập ở tất cả các bậc học đạt chuẩn quốc gia; tiếp tục sắp xếp, đầu tư các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương. Xây mới, cải tạo, nâng cấp các cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đồng bộ, hiện đại cho Trường cao đẳng Bình Thuận, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích đầu tư các cơ sở, trung tâm giáo dục đào tạo ngoài công lập; thu hút đầu tư các trường đại học đào tạo các chuyên ngành công nghệ, kỹ thuật, năng lượng để đào tạo nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của Tỉnh. Bảo đảm quỹ đất cho việc mở rộng, xây dựng mới, thu hút đầu tư cơ sở giáo dục đào tạo.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII)

2. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

Đầu tư phát triển, hiện đại hóa các cơ sở khoa học và công nghệ, từng bước hình thành mạng lưới khoa học và công nghệ phát triển đồng bộ với các cụm liên kết ngành về kinh tế biển, công nghiệp năng lượng, khai thác chế biến khoáng sản; nông nghiệp công nghệ cao; dịch vụ logistics, giáo dục - đào tạo, y tế, du lịch, tài chính - tín dụng. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư các cơ sở khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo nghiên cứu phát triển (R&D). Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV)

3. Phương án phát triển hạ tầng y tế

Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Tỉnh (đạt chuẩn loại I). Khuyến khích, kêu gọi đầu tư phát triển các cơ sở y tế ngoài công lập. Xây dựng mới các bệnh viện chuyên khoa: Bệnh viện tai - mũi - họng, bệnh viện chấn thương chỉnh hình, bệnh viện chuyên khoa nhi, bệnh viện chuyên khoa sản, bệnh viện tim, bệnh viện mắt, trung tâm điều dưỡng - chữa bệnh - nghỉ dưỡng, trung tâm thẩm mỹ chăm sóc sức khỏe. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, mở rộng quy mô giường bệnh của các bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế huyện, cơ sở y tế tuyến xã đảm bảo năng lực cung cấp các dịch vụ chăm sóc y tế, khám chữa bệnh cho Nhân dân. Bố trí quỹ đất phù hợp phục vụ xây dựng mới, mở rộng các công trình y tế, trạm y tế xã trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

(Chi tiết tại Phụ lục XV)

4. Phương án phát triển hạ tầng các cơ sở trợ giúp xã hội, nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng

Đầu tư mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội có quy mô, từng bước hiện đại và đủ năng lực cung cấp các dịch vụ công về trợ giúp xã hội theo tiêu chuẩn quốc gia, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng của các nhóm đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội.

Khuyến khích xã hội hóa, kêu gọi các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp đầu tư phát triển các cơ sở bảo trợ xã hội, xây dựng cơ sở nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công có đủ năng lực để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công.

(Chi tiết tại Phụ lục XV)

5. Phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao

Xây dựng mới, nâng cấp Bảo tàng tỉnh, Bảo tàng Hồ Chí Minh chi nhánh Bình Thuận. Hoàn thành xây dựng công trình Nhà hát và Triển lãm văn hóa nghệ thuật Tỉnh; mở rộng và nâng cấp Thư viện Tỉnh; khu di tích căn cứ Tỉnh ủy Bình Thuận trong kháng chiến chống Mỹ; tiếp tục đầu tư phát triển các công trình, dự án, thiết chế văn hóa ở cấp huyện, xã. Đầu tư tôn tạo các công trình kiến trúc lịch sử, văn hóa đã được xếp hạng; các công trình văn hóa, tín ngưỡng dân gian như hệ thống Dinh Vạn của các làng Chài, Đình làng.

Phát triển các công trình, dự án, thiết chế thể thao cấp quốc gia, cấp tỉnh: Nâng cấp sân vận động trung tâm Tỉnh; xây dựng mới Khu liên hiệp thể thao Tỉnh. Nâng cấp Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao Tỉnh thành Trung tâm đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao của Tỉnh và vùng. Phát triển các công trình, dự án, thiết chế thể thao cấp huyện, xã.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI)

6. Phương án phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ

Hình thành hệ thống hạ tầng thương mại cơ bản đồng bộ và hiện đại, đưa Bình Thuận trở thành hạt nhân liên kết giữa các tỉnh của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung bộ với vùng Đông Nam Bộ và với vùng Tây Nguyên.

Đầu tư, nâng cấp, cải tạo, phát triển mạng lưới chợ trên địa bàn. Mở rộng, đầu tư các loại hình thương mại, chợ ở nông thôn. Phát triển một số chợ đêm tại các huyện, thành phố, có điều kiện thuận lợi phát triển về du lịch.

Xây dựng mới thêm 03 chợ đầu mối nông sản: Chợ đầu mối nông sản khu vực Bắc Bình - Tuy Phong - Hàm Thuận Bắc, chợ đầu mối nông sản Hàm Thuận Nam - Hàm Tân - La Gi, chợ đầu mối nông sản khu vực Tánh Linh - Đức Linh.

Phát triển các hình thức bán lẻ hiện đại như: Trung tâm thương mại, siêu thị tổng hợp và siêu thị chuyên doanh. Đẩy mạnh phát triển chuỗi cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini tại các khu vực đô thị, từng bước phát triển mô hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị, trung tâm thương mại ở khu vực nông thôn. Phổ biến và đưa thương mại điện tử thành kênh hoạt động chính của doanh nghiệp và người dân trong tỉnh.

Phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu đủ năng lực đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức. Đảm bảo ổn định đầu vào của sản xuất, ổn định giá cả, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ, KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

Nguồn lực đất đai phải được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hướng đến tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, phát thải ròng bằng 0, bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của Tỉnh. Bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phần chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất được bổ sung trong kỳ quy hoạch theo nhu cầu phát triển của Tỉnh sẽ được thực hiện khi được cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh, bổ sung theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII)

VIII. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án quy hoạch xây dựng các vùng liên huyện

a) Vùng trung tâm *(thành phố Phan Thiết và các huyện Hàm Thuận Bắc, huyện Hàm Thuận Nam, huyện đảo Phú Quý)*: Là vùng đô thị hóa trọng điểm của Tỉnh. Phát triển mạnh du lịch, dịch vụ, thương mại mang tầm khu vực và quốc tế; hình thành khu đô thị sân bay Phan Thiết; Trung tâm khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển năng lượng điện gió ngoài khơi; công nghiệp kỹ thuật, công nghệ cao; phát triển Tổ hợp đô thị biển, dịch vụ giáo dục đào tạo, y tế chăm sóc sức khỏe chất lượng cao. Phát triển công nghiệp chế biến thủy hải sản.

b) Vùng Đông Bắc *(huyện Bắc Bình và huyện Tuy Phong)*: Là cửa ngõ kết nối với các tỉnh vùng duyên hải Trung Bộ và Tây Nguyên. Phát triển trở thành Trung tâm công nghiệp năng lượng quốc gia; trung tâm dịch vụ cảng biển, vận tải, logistics của khu vực; hình thành công nghiệp khai khoáng, chế biến sâu titan của quốc gia; phát triển dịch vụ thương mại, du lịch sinh thái biển, rừng, du lịch cộng đồng; phát triển nông, lâm nghiệp thủy sản chất lượng cao.

c) Vùng Tây Nam *(thị xã La Gi và huyện Hàm Tân)*: Là cửa ngõ kết nối với các tỉnh vùng Đông Nam Bộ, là vùng kinh tế động lực mới phía Nam của Tỉnh. Nghiên cứu hình thành phát triển khu kinh tế ven biển gắn với bến cảng Sơn Mỹ và các khu, cụm công nghiệp (Sơn Mỹ 1, 2, Tân Đức và các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Nghĩa Hòa, Thắng Hải); hình thành trung tâm năng lượng sạch,

năng lượng tái tạo; phát triển đô thị tổng hợp, trọng tâm là phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch chất lượng cao tại đô thị La Gi và phát triển Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Hàm Tân - La Gi; phát triển du lịch sinh thái biển, du lịch văn hóa lịch sử; phát triển chế biến thủy hải sản và ứng dụng công nghệ cao vào phát triển nông nghiệp.

d) Vùng Tây Bắc *(huyện Đức Linh và huyện Tánh Linh)*: Là vùng liên kết với các tỉnh vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tổng hợp, làng nghề truyền thống; phát triển dịch vụ, du lịch sinh thái rừng, hồ, thác, văn hóa; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hình thành vùng nông nghiệp sản xuất hàng hóa tập trung (chuyên canh sản xuất lúa, cao su, sầu riêng, xoài,..); phát triển kinh tế trang trại; nuôi trồng, chế biến thủy hải sản nước ngọt; phát triển kinh tế lâm nghiệp (trồng rừng, khai thác, chế biến gỗ xuất khẩu); phát triển vùng trồng cây dược liệu dưới tán rừng.

2. Phương án quy hoạch xây dựng các vùng huyện

a) Vùng huyện Tuy Phong: Là trung tâm năng lượng của quốc gia, có cảng biển và dịch vụ cảng biển, logictics quy mô quốc tế; phát triển công nghiệp năng lượng đô thị, dịch vụ vận tải, logistics, công nghệ thông tin, tài chính, tín dụng, ngân hàng, bảo hiểm, du lịch nghỉ dưỡng biển, rừng sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với nuôi trồng, chế biến thủy sản, nuôi, cung cấp tôm giống chất lượng cao.

b) Vùng huyện Bắc Bình: Là trung tâm phát triển công nghiệp khai thác, chế biến sâu khoáng sản titan quốc gia; phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch biển; vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với sản xuất, chế biến, xuất khẩu; phát triển trồng cây dược liệu dưới tán rừng và chế biến sản phẩm từ cây dược liệu.

c) Vùng huyện Hàm Thuận Bắc: Là vùng phát triển công nghiệp tổng hợp, công nghiệp phụ trợ, công nghệ cao, thương mại, dịch vụ, du lịch sinh thái; vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát triển trồng cây dược liệu dưới tán rừng và chế biến sản phẩm từ cây dược liệu.

d) Vùng huyện Hàm Thuận Nam: Là vùng phát triển công nghiệp, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; phát triển khu đô thị, dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng biển kết hợp chăm sóc sức khỏe, y tế chất lượng cao; hình thành trung tâm giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của Tỉnh và vùng; phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trọng tâm là sản xuất, chế biến, xuất khẩu trái cây Thanh Long và các sản phẩm từ Thanh Long.

đ) Vùng huyện Tánh Linh: Là cửa ngõ của Tỉnh ở phía Tây Bắc kết nối với các địa phương thuộc vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, cơ khí nông nghiệp; dịch vụ kho vận, logistics, đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao, du lịch sinh thái, văn hóa, tín ngưỡng; phát triển vùng nông nghiệp tập trung, nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao và phát triển kinh tế lâm nghiệp (trồng rừng, khai thác, chế biến gỗ xuất khẩu), kết hợp trồng cây dược liệu dưới tán rừng và chế biến sản phẩm từ cây dược liệu.

e) Vùng huyện Đức Linh: Là trung tâm công nghiệp vùng Tây Bắc của Tỉnh, cửa ngõ kết nối với các địa phương thuộc vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên ở phía Tây Bắc. Phát triển đô thị, du lịch và dịch vụ logistics gắn với các cụm công nghiệp; trung tâm ứng dụng, sản xuất hàng hóa, nông sản, thủy sản chất lượng cao; phát triển kinh tế lâm nghiệp (trồng rừng, khai thác, chế biến gỗ xuất khẩu), kết hợp trồng cây dược liệu dưới tán rừng và chế biến sản phẩm từ cây dược liệu.

g) Vùng huyện Hàm Tân: Là cửa ngõ giao lưu, kết nối phía Tây Nam của Tỉnh với các tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ. Phát triển công nghiệp, cảng biển và dịch vụ cảng biển, năng lượng, khí, logistics; phát triển các khu, cụm công nghiệp gắn với phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch; phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

h) Vùng huyện đảo Phú Quý: Là vùng phát triển kinh tế biển, trọng tâm là nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy hải sản, trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá, trung tâm tránh trú bão và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên biển khu vực duyên hải Trung Bộ; phát triển du lịch sinh thái, du lịch biển đảo; vùng có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh.

IX. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Phương án phân vùng bảo vệ môi trường

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt (N): Khu vực nội thành, nội thị của các đô thị loại III trở lên theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị, bao gồm: thành phố Phan Thiết, thị xã La Gi; nguồn nước mặt trên địa bàn Tỉnh được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học.

- Vùng hạn chế phát thải (H) bao gồm: Nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, V; hành lang bảo vệ nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; vùng đệm của các vùng, của các khu bảo tồn thiên nhiên; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường khác, dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường, vùng ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng;

- Vùng khác (K) gồm: Khu vực phát triển kinh tế - xã hội đa ngành, đa thành phần, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân; khu vực áp dụng sản xuất sạch trong các hoạt động sản xuất, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; khu vực đô thị, khu công nghiệp cần bảo vệ môi trường theo hướng "Xanh, Sạch".

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII)

b) Phương án bảo tồn đa dạng sinh học

- Bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học rừng, biển, vùng đất ngập nước và núi đá vôi nhằm bảo vệ sức khỏe Nhân dân, bảo vệ môi trường và giá trị đa dạng sinh học.

- Xây dựng các chương trình, đề án phòng, chống suy giảm đa dạng sinh học, khai thác bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; tiếp tục bảo tồn, gìn giữ, phục hồi các hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên; nâng cao độ che phủ rừng, ngăn chặn suy giảm chất lượng rừng; bảo vệ các giống loài, nguồn gen quý, hiếm và bảo đảm an toàn sinh học. Khai thác bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản và nguồn lợi thủy sản. Kết hợp hài hòa, hợp lý giữa bảo tồn và phát huy giá trị đa dạng sinh học để phát triển du lịch, đáp ứng đồng thời các mục tiêu phát triển kinh tế và hình thành hệ sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững.

- Bảo tồn thiên nhiên: Thực hiện bảo tồn tại chỗ tại các khu dự trữ thiên nhiên Núi Ông, Tà Kóu, khu bảo tồn biển Hòn Cau; thực hiện bảo tồn chuyển chỗ tại Bình Thuận theo hướng đầu tư xây dựng khu công viên động vật hoang dã trên cạn phục vụ mục đích bảo tồn các loài động vật trên cạn quý hiếm, bị đe dọa và phục vụ du lịch.

- Đa dạng sinh học: Điều tra, khảo sát và đánh giá các Khu bảo tồn thiên nhiên Núi Ông và Khu bảo tồn thiên nhiên Tà Kóu để đưa vào quy hoạch khu vực có đa dạng sinh học cao.

- Vùng ngập nước quan trọng: Điều tra, khảo sát thiết lập các khu vực là vùng đất ngập nước quan trọng đối với Bàu Trắng, khu vực rừng ngập mặn Phan Thiết, La Gi, Hàm Tân.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX)

c) Phương án quan trắc chất lượng và cảnh báo môi trường

Duy trì và phát triển mới các điểm, trạm quan trắc về môi trường nước mặt, môi trường nước hồ, môi trường nước dưới đất, môi trường không khí, môi trường đất và môi trường nước biển ven bờ.

(Chi tiết tại Phụ lục XX)

d) Về phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

- Bảo vệ và phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Tập trung nâng cao chất lượng rừng. Bảo tồn, phát triển, nâng cao chất lượng đa dạng sinh học tại 02 khu bảo tồn thiên nhiên Núi Ông và Khu bảo tồn thiên nhiên Tà Kóu và các Khu rừng khác trên địa bàn toàn Tỉnh.

- Phát triển đường lâm nghiệp kết nối với tuyến đường phục vụ công tác tuần tra, bảo vệ rừng kết hợp phục vụ du lịch sinh thái. Nâng cao năng lực, đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, nhất là hạ tầng thông tin, hạ tầng phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng, bảo vệ rừng.

đ) Phương án sắp xếp, phân bố không gian các khu nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và nhà tang lễ

Xây dựng các nghĩa trang cấp tỉnh với công nghệ an táng tổng hợp (chôn cất một lần, cát táng và hỏa táng). Mỗi huyện xây dựng nghĩa trang riêng. Di dời nghĩa trang nhỏ lẻ, mộ rải rác về các nghĩa trang tập trung; cải tạo, chỉnh trang bổ sung cây xanh, cảnh quan, xử lý môi trường, chuyển thành mô hình công viên tưởng niệm đối với những nghĩa trang, nghĩa địa không thể di dời. Xây dựng cơ sở hỏa táng tại các nghĩa trang cấp tỉnh. Mỗi đơn vị hành chính cấp huyện xây dựng ít nhất 01 nhà tang lễ, kết hợp mô hình nhà tang lễ gắn với một số bệnh viện tuyến tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI)

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản

a) Phương án thăm dò, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản

- Thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản theo các khu vực sau:

+ Khu vực cấm hoạt động thăm dò, khai thác bao gồm: Khu vực quốc phòng, an ninh; di tích lịch sử - văn hóa; tôn giáo, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

+ Khu vực hạn chế hoạt động thăm dò, khai thác: Khu vực có tính tổn thương cao (nhất là các khu vực có nhiều công trình kinh tế - xã hội, khu vực ven biển); khu vực có giá trị tài nguyên khác cao hơn (tài nguyên cảnh quan, khu vực đồng bằng canh tác cây lương thực và cây đặc sản, khu vực đồi núi có động thực vật đặc hữu).

+ Khu vực khuyến khích thăm dò, khai thác: Các khu vực còn lại có tài nguyên khoáng sản (nhất là các khu vực xa dân cư và xa công trình kinh tế - xã hội, khu vực nghèo thảm thực vật, không có sinh vật đặc hữu).

- Khoanh định quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến các khu, điểm mỏ khoáng sản: Thực hiện theo Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đối với các loại khoáng sản gồm: khoáng sản làm vật liệu san lấp; đá xây dựng; sét gạch ngói và cát xây dựng được thực hiện theo quy định.

- Khoanh định các khu vực dự trữ titan: Thực hiện theo khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Các hoạt động quan trọng trong thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản

- Khoáng sản titan:

Phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản titan với lộ trình và quy mô hợp lý phù hợp với từng giai đoạn, từng bước hình thành các tổ hợp công nghệ mỏ - tuyển, công nghiệp chế biến khoáng sản titan đồng bộ với hạ tầng. Các dự án titan phải có giải pháp đảm bảo cân đối nguồn nước theo quy định. Tập trung hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đầu tư khai thác, chế biến titan đồng bộ với các sản phẩm chế biến sâu (pigment, dioxit titan, titan kim loại, zircon cao cấp). Đẩy mạnh đầu tư công nghệ chế biến sâu các cơ sở chế biến đã và đang thực hiện, nhất là tại khu công nghiệp Sông Bình, huyện Bắc Bình.

Đối với các mỏ được xác định tại Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, ưu tiên thăm dò, khai thác tập trung tại khu vực Lương Sơn I, Lương Sơn II và Lương Sơn III.

- Cát thủy tinh và nước khoáng: Ưu tiên đầu tư công nghệ, nâng cấp chất lượng và đa dạng loại hình sản phẩm (sản phẩm thủy tinh cao cấp, nước khoáng đa loại, phục vụ du lịch, chữa bệnh…).

- Khoáng sản làm vật liệu xây dựng: Tiếp tục khai thác các mỏ đang khai thác theo quy định; đẩy mạnh điều tra, tìm kiếm phát hiện các mỏ mới.

(Chi tiết tại Phụ lục XXII)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân bổ tài nguyên nước

- Phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước trong kỳ quy hoạch bảo đảm hài hòa, hợp lý tài nguyên nước mặt cho các ngành có sử dụng nước, giữa các tiểu vùng theo thứ tự ưu tiên như sau: (1) Cấp nước sinh hoạt; (2) Du lịch; (3) Cấp nước cho ngành nông nghiệp có giá trị cao; (4) Các ngành sản xuất có công nghệ sản xuất ít tiêu tốn nước; (5) Hỗ trợ nước tưới và những nhu cầu khác ở những nơi đặc biệt khó khăn về nguồn nước; (6) Cấp nước cho ngành nông nghiệp công nghệ cao với chế độ tưới thông minh; (7) Các ngành công nghiệp; tiểu thủ công nghiệp; (8) Cấp nước cho ngành nông nghiệp nói chung.

- Hạn chế khai thác sử dụng tài nguyên nước dưới đất; khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt và nước mưa để cung cấp ổn định nước cho sinh hoạt, công nghiệp và nông nghiệp; hạn chế đến mức thấp nhất các mâu thuẫn trong sử dụng nước của các ngành, lĩnh vực.

- Phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước đến năm 2030: Đảm bảo cấp đủ 100% nhu cầu nước cho sinh hoạt và an ninh, quốc phòng, không dưới 95% nhu cầu nước cho các ngành kinh tế - xã hội khác.

b) Bảo vệ tài nguyên nước

Quản lý, bảo vệ tài nguyên nước mặt và nước mưa đảm bảo ổn định trữ lượng nguồn nước, không bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu chất lượng nước cho các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế cũng như các đối tượng khai thác, sử dụng nước trên địa bàn.

c) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Thực hiện các giải pháp nhằm giảm thiểu, khắc phục tình trạng sạt, lở và hậu quả do sạt, lở gây ra trên các đoạn sông đã và đang xảy ra tình trạng sạt lở nghiêm trọng. Giảm thiểu hiện tượng xâm nhập mặn các tầng chứa nước. Phòng, chống tác hại do lũ cho hệ thống các con sông với tần suất chống lũ P = 98%. Phòng, chống tác hại do hạn hán cho các vùng có nguy cơ hạn hán. Bảo đảm tính kế thừa, khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống hạ tầng kỹ thuật tài nguyên nước hiện có; nâng cấp, xây mới các hồ chứa nước trên địa bàn; cải tạo và nâng cấp công trình mạng lưới thoát nước tại các khu vực đô thị thường xuyên bị ngập úng.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn Tỉnh và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai

- Nhóm có mức tác động cao nhất, gồm các xã của 02 huyện Đức Linh và Bắc Bình. Thành phố Phan Thiết và Huyện Hàm Thuận Nam ở nhóm tác động cao ít hơn.

- Nhóm có mức tác động thấp hơn, gồm các xã, thị trấn thuộc thị xã La Gi, huyện Tánh Linh, Tuy Phong, Hàm Thuận Bắc.

- Nhóm có mức tác động thấp nhất, gồm các xã thuộc huyện Hàm Tân và Phú Quý.

- Xem xét các vùng rủi ro đối với từng loại hình thiên tai theo mức độ tác động nghiêm trọng nhất lần lượt là: Hạn hán, giông bão, ngập lụt, sạt lở, xâm nhập mặn.

b) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Xây dựng kế hoạch chủ động trong phòng ngừa, ứng phó kịp thời, đưa ra các biện pháp khắc phục khẩn trương và hiệu quả. Thực hiện phòng, chống thiên tai theo phương châm bốn tại chỗ: Chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ. Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành. Phòng, chống thiên tai phải dựa trên cơ sở khoa học; kết hợp sử dụng kinh nghiệm truyền thống với tiến bộ khoa học và công nghệ; kết hợp giải pháp công trình và phi công trình; bảo vệ môi trường, hệ sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu. Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các văn bản quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền về thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước, biển và hải đảo, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học. Nâng cao chất lượng dự báo thiên tai, đặc biệt là dự báo sớm. Củng cố, nâng cấp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước, đê biển, đê cửa sông, công trình thủy lợi, phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển. Xây dựng cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu. Thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo, gia đình chính sách xây dựng nhà ở phòng tránh bão, lụt.

- Chủ động, sẵn sàng triển khai thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ và khắc phục hậu quả do thiên tai, sự cố, thảm họa gây ra. Tăng cường quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

c) Phát triển hạ tầng phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu

Phát triển hạ tầng phòng, chống thiên tai bảo đảm nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu của Tỉnh. Đầu tư xây dựng 13 khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, trong đó: 02 khu tránh bão cấp vùng (Phú Hải và Phú Quý); 11 khu tránh bão cấp tỉnh, bao gồm: Liên Hương, Bình Thạnh, Chí Công, Phan Rí, Hòa Thắng, Mũi Né, Ba Đăng, La Gi, Hồ Lân, Tân Thành, Hà Lãng.

Hoàn thành cải tạo, nâng cấp hệ thống đê, kè biển ở những vị trí xung yếu dọc chiều dài bờ biển của Tỉnh để phòng, tránh tác động bất lợi thiên tai, bảo vệ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội, thích ứng với nguy cơ nước biển dâng. Ưu tiên bố trí vốn để đầu tư công trình bảo vệ bờ biển với giải pháp công trình ổn định lâu dài, bền vững, gắn với tôn tạo bãi biển để phục vụ phát triển du lịch. Rà soát các vị trí có nguy cơ cao sạt lở bờ sông trên địa bàn Tỉnh, nhất là tại các khu vực đông dân cư để có giải pháp xây dựng các hệ thống kè bảo vệ bờ sông và các công trình hạ tầng dọc các con sông, gắn với chỉnh trang đô thị, nông thôn.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIII)

X. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIV)

XI. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Nhóm giải pháp về huy động, sử dụng vốn đầu tư

Tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng để thu hút và hấp thụ tốt các nguồn đầu tư trong và ngoài nước. Hoàn thành công tác quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp, khu dân cư. Công khai quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng. Tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Xây dựng danh mục chương trình/dự án quan trọng ưu tiên do tỉnh quản lý để tập trung đầu tư theo kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm nhằm tạo động lực phát triển các ngành, lĩnh vực ở địa phương. Tổ chức tốt việc đền bù giải phóng mặt bằng. Kêu gọi các nhà đầu tư, các doanh nghiệp hợp tác tham gia đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các khu công nghiệp và các cụm công nghiệp, các khu vui chơi giải trí, cơ sở sản xuất, dịch vụ phục vụ khu công nghiệp.

Thúc đẩy quá trình sản xuất nông nghiệp tập trung, phát triển các trang trại có quy mô lớn, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

Mở rộng các kênh và các biện pháp huy động vốn đầu tư theo hướng xã hội hóa các nguồn vốn, trong đó đặc biệt chú ý các biện pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Tăng cường công tác rà soát các dự án ngoài ngân sách đã được chấp thuận chủ trương đầu tư để tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho các dự án đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thành đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời kiên quyết thu hồi các dự án chậm triển khai thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

2. Nhóm giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách nhằm thu hút đãi ngộ, trọng dụng nhân tài. Tiếp tục đẩy mạnh việc sắp xếp tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, thực hiện quản lý, sử dụng, theo dõi, đánh giá, khen thưởng theo Đề án vị trí việc làm và Hợp đồng lao động, quy định rõ trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân. Có chế độ khen thưởng, kỷ luật một cách công khai, minh bạch đúng đối tượng.

Tiếp tục xây dựng chính quyền kiến tạo, quan tâm đến việc đào tạo bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức của chính quyền địa phương các cấp, đảm bảo từng bước chuyên nghiệp, giỏi về chuyên môn, ngoại ngữ, có đạo đức công vụ, trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, sẵn sàng phục vụ doanh nghiệp và người dân.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh phân luồng học sinh ngay từ bậc Trung học cơ sở. Tăng cường công tác thông tin, dự báo về cung - cầu lao động. Quan tâm thực hiện tốt công tác đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho người lao động.

Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở đào tạo hợp tác với doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp tham gia thiết kế chương trình, nội dung đào tạo và trực tiếp đào tạo, sử dụng nhân lực. Thực hiện đào tạo theo nhu cầu xã hội.

3. Nhóm giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

Tăng cường nguồn vốn ngân sách cho sự nghiệp môi trường hàng năm; tăng cường truyền thông, tuyên truyền về ý thức chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về môi trường, xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Tăng cường phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể trong hoạt động bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu; phối hợp với các địa phương lân cận thuộc lưu vực hệ thống sông giải quyết các vấn đề môi trường mang tính liên vùng. Cải tiến, đổi mới biện pháp, hình thức tuyên truyền, phổ biến, truyền thông pháp luật. Hoàn thiện các quy định pháp lý về quản lý môi trường.

Di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, cơ sở dịch vụ gây ô nhiễm môi trường đang hoạt động trong khu dân cư vào các khu, cụm công nghiệp; ban hành chính sách hỗ trợ di dời để khuyến khích các cơ sở sản xuất di chuyển vào các khu, cụm công nghiệp tập trung.

Khuyến khích, thu hút các dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm công nghệ cao; các dự án đầu tư sử dụng công nghệ tiên tiến, không gây ô nhiễm môi trường.

Phát triển hệ thống mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ; nghiên cứu, ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực của tỉnh hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Xây dựng chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, trọng tâm là phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, hướng đến xã hội số; tập trung xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng thành phố thông minh; đẩy nhanh việc thanh toán không dùng tiền mặt, quan trắc môi trường tự động, hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử.

4. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các địa phương trong vùng duyên hải Trung Bộ và các tỉnh lân cận, hình thành các cơ chế, quy định về liên kết vùng đối với các ngành lĩnh vực, đặc biệt là liên kết phát triển cơ sở hạ tầng, liên kết phát triển du lịch và liên kết phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp.

Hợp tác, liên kết với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng Đông Nam Bộ trong phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; xúc tiến thương mại và đầu tư; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng các chương trình, tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng; phát triển nhân lực, bao gồm đào tạo và sử dụng lao động; phát triển ngành y tế, khám chữa bệnh và nghiên cứu y học; phát triển công nghiệp; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Phối hợp với các tỉnh, thành phố khu vực ven biển các tỉnh vùng Đông Nam Bộ hợp tác, mở rộng phát triển các cụm liên kết ngành kinh tế biển. Chú trọng bố trí quy hoạch, sắp xếp các khu vực, không gian theo ngành kinh tế biển; sắp xếp,

bố trí kết nối cơ sở hạ tầng kinh tế biển, liên kết không gian phát triển các khu cảng biển, khu kinh tế, khu công nghiệp tập trung, vùng du lịch, đô thị ven biển có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại tạo sức hấp dẫn để thu hút đầu tư.

Hợp tác, liên kết với các tỉnh vùng Tây Nguyên trong phát triển hạ tầng giao thông kết nối từ khu vực Tây Nguyên với các tuyến giao thông Bắc - Nam chạy qua địa bàn tỉnh Bình Thuận; khai thác tốt hạ tầng cảng biển và hạ tầng dịch vụ logistics trên địa bàn, trong đó tập trung vào khu vực các bến cảng Sơn Mỹ và Vĩnh Tân.

Tăng cường hợp tác với các quốc gia, tổ chức quốc tế trong phát triển du lịch; tiêu thụ hàng hóa, nông sản, thu hút đầu tư nước ngoài. Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức, định chế tài chính, cơ quan phát triển quốc tế trong việc tiếp cận nguồn vốn ODA, vốn vay tín dụng ưu đãi để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, giáo dục - đào tạo; giảm nghèo, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Nhóm giải pháp về huy động nguồn lực đất đai

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch ngành, lĩnh vực có sử dụng đất phải phù hợp, đồng bộ, gắn kết chặt chẽ, thúc đẩy lẫn nhau để phát triển nhanh và bền vững.

Thực hiện chặt chẽ việc giao đất, cho thuê đất chủ yếu thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

Hoàn thiện quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Hoàn thiện tổ chức, bộ máy, cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các tổ chức phát triển quỹ đất. Quy định cụ thể việc khai thác hiệu quả quỹ đất phụ cận các công trình kết cấu hạ tầng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Có cơ chế, phương pháp xác định giá đất theo nguyên tắc thị trường. Hoàn thiện các quy định bảo đảm công khai, minh bạch và trách nhiệm, đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính trong quản lý đất đai.

Rà soát và điều chỉnh quy hoạch chung đô thị, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, làm cơ sở để xác định các vùng, ranh giới kiểm soát, phát triển đô thị, đảm bảo quỹ đất xây dựng đô thị trong thời kỳ quy hoạch.

6. Nhóm giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính điện tử, hành chính số. Cụ thể hóa quy hoạch thành các kế hoạch 5 năm. Các kế hoạch hàng năm phải phù hợp với kế hoạch 5 năm. Tăng cường phối hợp và tổ chức triển khai, thực hiện quy hoạch đồng bộ giữa các cấp, các ngành trong Tỉnh.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch. Xây dựng cơ chế phối hợp, giám sát thực hiện và đánh giá thực hiện quy hoạch giữa các sở, ngành, địa phương, đặc biệt là phối hợp trong triển khai các thủ tục đầu tư các dự án tạo sự kết nối giữa các địa phương trong Tỉnh, giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan.

Phát huy vai trò giám sát của cộng đồng, Nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội trong triển khai thực hiện quy hoạch. Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí trong triển khai thực hiện.

XII. SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Danh mục Sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chi tiết tại Phụ lục XXV.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở, căn cứ để lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận

a) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Rà soát, hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, hồ sơ Quy hoạch tỉnh bảo đảm thống nhất với nội dung của Quyết định này; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Bình Thuận.

c) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức thực hiện Quy hoạch tỉnh gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Tỉnh; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh, rà soát điều chỉnh Quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quy hoạch.

d) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, đề án, chương trình phù hợp với yêu cầu phát triển tỉnh Bình Thuận và quy định pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch.

đ) Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

e) Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện quy trình, thủ tục điều chỉnh Quy hoạch tỉnh trong trường hợp có nội dung mâu thuẫn so với quy hoạch cấp cao hơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội và quy định có liên quan, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn Tỉnh, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và Danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện ban hành kèm theo Quyết định này phải phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này và phù hợp với các quy hoạch có liên quan (nếu có), bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất dự án, phân kỳ đầu tư dự án, phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của Tỉnh trong từng giai đoạn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo các Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp các quy định hiện hành.

Đối với các dự án quy hoạch đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động, bố trí đủ các nguồn lực thực hiện, cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các ý kiến tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với ý kiến rà soát, góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan; phụ lục các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này, bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan; thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết tại Văn bản số 5001/UBND-TH ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.

5. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận trong quá trình thực hiện Quy hoạch tỉnh; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận trong việc nghiên cứu, xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế chính sách, giải pháp, huy động và bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục I

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH BÌNH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Đô thị	Loại đô thị			Ghi chú
		Năm 2021	Năm 2025	Năm 2030	
1	Thành phố Phan Thiết	II	II	II	
2	Thị trấn Liên Hương	V	IV	IV	
3	Thị trấn Phan Rí Cửa	IV	IV	IV	
4	Đô thị Vĩnh Tân			V	
5	Thị trấn Chợ Lầu	V	V	V	
6	Thị trấn Lương Sơn	V	V	V	
7	Thị trấn Ma Lâm	V	V	V	
8	Thị trấn Phú Long	V			
9	Thị trấn Thuận Nam	V	V	V	
10	Thị trấn Tân Nghĩa	V	V	V	
11	Thị trấn Tân Minh	V	V	V	
12	Đô thị Sơn Mỹ			V	
13	Thị xã La Gi	III	III	III	
14	Thị trấn Lạc Tánh	V	V	V	
15	Thị trấn Võ Xu	V	IV	IV	
16	Thị trấn Đức Tài	V	V	V	
17	Đô thị Phú Quý		V	V	

Ghi chú:

- Định hướng phân loại đô thị đảm bảo phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia.

- Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn hoặc muộn hơn định hướng hoặc chia tách, sáp nhập thì thực hiện thủ tục đánh giá, công nhận loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật.

Phụ lục II

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH BÌNH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nội dung	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Ghi chú
A	**KHU KINH TẾ**			
	Khu kinh tế ven biển	Thị xã La Gi, Huyện Hàm Tân	Khoảng 27.000	Khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định hiện hành
B	**KHU CÔNG NGHIỆP**			
I	**Các KCN đang triển khai và dự kiến thành lập mới thời kỳ 2021 - 2030**		**1.954,57**	
1	KCN Tân Đức	Huyện Hàm Tân	300	
2	KCN Sơn Mỹ I		1.070	
3	KCN Sơn Mỹ II		540	
4	KCN Đông Bắc Phan Thiết	Huyện Hàm Thuận Bắc	44,57	Phát triển mới
II	**Các KCN tiềm năng xem xét mở rộng hoặc thành lập mới trong thời kỳ 2021 - 2030 khi tỉnh được điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu đất KCN trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đủ điều kiện theo quy định**		**4.897,43**	
1	KCN Sông Bình mở rộng	Huyện Bắc Bình	250	
2	KCN Tân Đức mở rộng	Huyện Hàm Tân	608	

STT	Nội dung	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Ghi chú
3	KCN phía Nam tỉnh	Huyện Đức Linh, huyện Tánh Linh	300	Phát triển mới
4	KCN phía Tây Bắc tỉnh	Huyện Tuy Phong	500	Phát triển mới
5	KCN Đông Bắc Phan Thiết mở rộng	Huyện Hàm Thuận Bắc	255,43	Tiếp tục thực hiện theo phân kỳ đầu tư
6	Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Hàm Tân - La Gi	Thị xã La Gi và huyện Hàm Tân	2.984	
C	**CỤM CÔNG NGHIỆP**			
I	**Quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030**		**783,73**	
1	Cụm công nghiệp Tân Bình 2	Thị xã La Gi	26	
2	Cụm công nghiệp Tân Bình 3	Thị xã La Gi	50	
3	Cụm công nghiệp Tân Hà	Huyện Đức Linh	71	
4	Cụm công nghiệp Tân Hà 3	Huyện Đức Linh	13,6	
5	Cụm công nghiệp Hầm Sỏi - Võ Xu	Huyện Đức Linh	25,3	
6	Cụm công nghiệp Mê Pu	Huyện Đức Linh	21,4	
7	Cụm công nghiệp Sùng Nhơn	Huyện Đức Linh	19	
8	Cụm công nghiệp Lạc Tánh 2	Huyện Tánh Linh	50	
9	Cụm công nghiệp Gia An	Huyện Tánh Linh	40	
10	Cụm công nghiệp Gia An 2	Huyện Tánh Linh	26	
11	Cụm công nghiệp Gia Huynh	Huyện Tánh Linh	50	
12	Cụm công nghiệp Suối Kiết	Huyện Tánh Linh	50	
13	Cụm công nghiệp Tân Phúc 1	Huyện Hàm Tân	17,3	
14	Cụm công nghiệp Tân Phúc 2	Huyện Hàm Tân	12	
15	Cụm công nghiệp Hàm Đức	Huyện Hàm Thuận Bắc	16,33	
16	Cụm công nghiệp Hồng Liêm	Huyện Hàm Thuận Bắc	10	

STT	Nội dung	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Ghi chú
17	Cụm công nghiệp Ma Lâm	Huyện Hàm Thuận Bắc	30	
18	Cụm công nghiệp Liêm An	Huyện Hàm Thuận Bắc	10	
19	Cụm công nghiệp Tân Lập	Huyện Hàm Thuận Nam	30	
20	Cụm công nghiệp Hải Ninh 1	Huyện Bắc Bình	67	
21	Cụm công nghiệp Sông Bình 1	Huyện Bắc Bình	69	
22	Cụm công nghiệp Vĩnh Tân	Huyện Tuy Phong	54,8	
23	Cụm công nghiệp Phú Quý	Huyện Phú Quý	25	
24	Cụm Công nghiệp chế biến hải sản	Thành phố Phan Thiết và huyện Hàm Thuận Bắc		Di dời Cụm công nghiệp hải sản Phú Hài
II	**Nghiên cứu xác định bổ sung phát triển mới một số cụm công nghiệp có tiềm năng phát triển khi đáp ứng các điều kiện theo quy định**		**713,27**	

Ghi chú:

- Đối với các khu công nghiệp quy hoạch mới, địa điểm, quy mô và phạm vi ranh giới sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm thành lập.

Phụ lục III

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU DU LỊCH TỈNH BÌNH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Ghi chú
1	Khu du lịch Hàm Thuận - Đa Mi	Huyện Hàm Thuận Bắc	
2	Khu du lịch Sông Quao	Huyện Hàm Thuận Bắc	
3	Khu du lịch Ngảnh Tam Tân - Dinh Thầy Thím	Thị xã La Gi	
4	Khai thác du lịch tại các điểm du lịch sinh thái Tà Kóu, Thác Bà	Huyện Hàm Thuận Nam, huyện Tánh Linh	
5	Khu du lịch cao cấp Phú Quý	Huyện Phú Quý	
6	Khu du lịch thể thao biển Gò Đình	Huyện Hàm Thuận Nam	
7	Khu du lịch Suối nước nóng Bưng Thị	Huyện Hàm Thuận Nam	
8	Khu du lịch ven biển Tân Thắng - Thắng Hải	Huyện Hàm Tân	
9	Khu du lịch ven biển Tân Thuận - Tân Thành	Huyện Hàm Thuận Nam	
10	Khu du lịch ven biển Thuận Quý	Huyện Hàm Thuận Nam	
11	Khu du lịch Cổ Thạch - Bình Thạnh	Huyện Tuy Phong	
12	Khu du lịch Hòn Cau	Huyện Tuy Phong	
13	Khu du lịch ven biển Hồng Phong	Huyện Bắc Bình	

Ghi chú: Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục IV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO, KHU CÔNG NGHỆ CAO TỈNH BÌNH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Ghi chú
1	Dự án cụm liên kết ngành khoa học - công nghệ cao gắn với đổi mới sáng tạo và đào tạo, trong đó có thu hút 01 trường Đại học công nghệ, kỹ thuật	Huyện Hàm Thuận Nam	
2	Dự án Khu Công nghệ cao	Tỉnh Bình Thuận	

Ghi chú: Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục V

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN BẢO TỒN THIÊN NHIÊN TỈNH BÌNH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

1	Khu bảo tồn thiên nhiên trên cạn: Khu bảo tồn thiên nhiên Núi Ông, Khu bảo tồn thiên nhiên Tà Kóu	BT1
2	Khu bảo tồn thiên nhiên biển Hòn Cau.	BT2

Phụ lục VI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ, KHU ĐÔ THỊ, CHUNG CƯ, TÁI ĐỊNH CƯ TỈNH BÌNH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Ghi chú
I	**Các khu dân cư, khu đô thị, chung cư, tái định cư khu đô thị đang triển khai**		
1	Khu dân cư phía Nam đường Lê Duẩn (đoạn từ quốc lộ 1 đến đường Võ Văn Tần), thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	
2	Khu tái định cư kè bờ sông Cà Ty, xã Tiến Lợi, thành phố Phan Thiết, giai đoạn 1	Thành phố Phan Thiết	
3	Mở rộng khu dân cư 1-8 phường Hàm Tiến	Thành phố Phan Thiết	
4	Khu đô thị biển	Thành phố Phan Thiết	
5	Mở rộng Khu dân cư Bắc Xuân An	Thành phố Phan Thiết, huyện Hàm Thuận Bắc	
6	Chung cư sông Cà Ty, thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	
II	**Hình thành các khu dân cư, khu đô thị, chung cư, tái định cư mới gắn với chỉnh trang đô thị, bảo vệ môi trường**		
1	Khu hành chính tập trung, khu quảng trường tỉnh	Thành phố Phan Thiết	
2	Các dự án phát triển nhà ở	Tỉnh Bình Thuận	
3	Các dự án đền bù tạo quỹ đất sạch đấu giá	Tỉnh Bình Thuận	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Ghi chú
4	Các dự án xây dựng các khu dân cư, khu đô thị, khu tái định cư trên địa bàn tỉnh	Tỉnh Bình Thuận	
5	Cải thiện môi trường đô thị các thành phố loại II	Thành phố Phan Thiết	
6	Các dự án hạ tầng các khu dân cư, khu đô thị, khu tái định cư trên địa bàn tỉnh	Tỉnh Bình Thuận	

Ghi chú: Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục VII

PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG TỈNH BÌNH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình/Dự án	Vị trí	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy mô quy hoạch
I	**Đường bộ**					
I.1	**Đường cao tốc**					
	Đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 (đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo, Vĩnh Hảo - Phan Thiết, Phan Thiết - Dầu Giây).	Huyện Tuy Phong, huyện Bắc Bình, huyện Hàm Thuận Bắc, huyện Hàm Thuận Nam, huyện Hàm Tân	Huyện Tuy Phong	Huyện Hàm Tân	160,3	Cao tốc, 6 làn xe
I.2	**Đường quốc lộ**					
1	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 (đoạn Phan Thiết - Đồng Nai)	Huyện Hàm Thuận Nam; huyện Hàm Tân	Huyện Hàm Thuận Nam;	Huyện Hàm Tân	49,9	III, 4 làn xe
2	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 28 (đoạn từ đường bộ cao tốc đến Quốc lộ 1)	Huyện Hàm Thuận Bắc; Thành phố Phan Thiết	Huyện Hàm Thuận Bắc	Thành phố Phan Thiết	16,4	III-IV, 2-4 làn xe
3	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 28B (đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Thuận)	Huyện Bắc Bình	Huyện Bắc Bình	Huyện Bắc Bình	52,45	IV, 2 làn xe
4	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 55 (đoạn từ Km52+640 đến Km97+692)	Huyện Hàm Tân và thị xã La Gi	Huyện Hàm Tân	Thị xã La Gi	44,8	III, 2-4 làn xe

TT	Tên công trình/Dự án	Vị trí	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy mô quy hoạch
5	Quốc lộ 51C (đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Thuận)	Huyện Hàm Tân	Huyện Hàm Tân	Huyện Hàm Tân	11	III, 2-4 làn xe
I.3	**Đường tỉnh**					
I.3.1	**Công trình/Dự án cải tạo, nâng cấp**					
1	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường ĐT.711 (đoạn từ Quốc lộ 28 đến Quốc lộ 1)	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	10,6	III, 2-4 làn xe
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.712	Huyện Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Nam	13,4	III, 2-4 làn xe
3	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.714	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	41	III-IV, 2-4 làn xe
4	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.715	Huyện Bắc Bình và thành phố Phan Thiết	Huyện Bắc Bình	Thành phố Phan Thiết	42,21	III, 2-4 làn xe
5	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.716	Huyện Tuy Phong, Bắc Bình và thành phố Phan Thiết	Huyện Tuy Phong	Thành phố Phan Thiết	71,13	III, 2-4 làn xe
6	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.717	Huyện Tánh Linh, huyện Đức Linh	Huyện Tánh Linh	Huyện Đức Linh	29,3	III-IV, 2-4 làn xe
7	Cải tạo, nâng cấp ĐT.718	Thành phố Phan Thiết, huyện Hàm Thuận Nam	Thành phố Phan Thiết	Huyện Hàm Thuận Nam	26	III-IV, 2-4 làn xe

TT	Tên công trình/Dự án	Vị trí	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy mô quy hoạch
8	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.719	Thành phố Phan Thiết, Huyện Hàm Thuận Nam và thị xã La Gi	Thành phố Phan Thiết	Thị xã La Gi	60,15	III, 2-4 làn xe
9	Cải tạo, nâng cấp ĐT.720	Huyện Đức Linh, huyện Hàm Tân	Huyện Đức Linh	Huyện Hàm Tân	57,4	III, 2-4 làn xe
10	Cải tạo, nâng cấp ĐT.766	Huyện Tánh Linh, huyện Đức Linh	Huyện Tánh Linh	Huyện Đức Linh	38,22	III, 2-4 làn xe
I.3.2	**Công trình/Dự án làm mới**					
1	Đường ĐT.711 nối dài đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường ven biển ĐT.716	Huyện Hàm Thuận Bắc; huyện Bắc Bình; Thành phố Phan Thiết	Huyện Hàm Thuận Bắc	Thành phố Phan Thiết	25	III, 2-4 làn xe
2	Đường ĐT.712 nối dài kết nối với đường bộ cao tốc	Huyện Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Nam	4	III, 2-4 làn xe
3	Đường ĐT.718 kéo dài (Hàm Cần - Mỹ Thạnh)	Huyện Hàm Thuận Nam, Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Bắc	12	III-IV, 2-4 làn xe
4	Đường ĐT.719 nối dài (đoạn từ Tân Hải - Tân Xuân - Tân Thắng)	Thị xã La Gi, huyện Hàm Tân	Thị xã La Gi	Huyện Hàm Tân	39	III, 2-4 làn xe

TT	Tên công trình/Dự án	Vị trí	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy mô quy hoạch
5	Đường Liên Hương - Phan Dũng - Tà Năng	Huyện Tuy Phong	Huyện Tuy Phong	Huyện Tuy Phong	47	III-IV, 2-4 làn xe
6	Đường Thuận Hòa - Liên Hương	Huyện Tuy Phong, huyện Bắc Bình	Huyện Bắc Bình	Huyện Tuy Phong	45	III-IV, 2-4 làn xe
I.4	**Đường ven biển**					
1	Đoạn Vĩnh Tân - Liên Hương	Huyện Tuy Phong	Huyện Tuy Phong	Huyện Tuy Phong	13,48	II-III, 4-6 làn xe
2	Đoạn Liên Hương - Bình Thạnh	Huyện Tuy Phong	Huyện Tuy Phong	Huyện Tuy Phong	5,82	II-III, 4-6 làn xe
3	Đoạn Bình Thạnh - Cầu Sông Lũy	Huyện Tuy Phong	Huyện Tuy Phong	Huyện Tuy Phong	16,5	II-III, 4-6 làn xe
4	Đoạn cầu Sông Lũy - Hòa Thắng (Hòa Thắng - Hòa Phú)	Huyện Tuy Phong, huyện Bắc Bình	Huyện Bắc Bình	Huyện Tuy Phong	23	II-III, 4-6 làn xe
5	Đoạn Hòa Thắng - Mũi Né (ĐT.716)	Huyện Bắc Bình, thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Huyện Bắc Bình	20,3	III, 2-4 làn xe
6	Đoạn Mũi Né - vòng xoay đầu đường ĐT.706B (ĐT.706B)	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	16,4	II-III, 4-6 làn xe
7	Đoạn ĐT.706B - cầu Hùng Vương (ĐT.716)	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	4	II-III, 4-6 làn xe

TT	Tên công trình/Dự án	Vị trí	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy mô quy hoạch
8	Đường ven biển trung tâm thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	14	II-III, 4-6 làn xe
9	Đoạn Phan Thiết - Kê Gà (ĐT.719B)	Thành phố Phan Thiết, huyện Hàm Thuận Nam	Thành phố Phan Thiết	huyện Hàm Thuận Nam	25,6	II-III, 4-6 làn xe
10	Đoạn Kê Gà - Tân Hải (đường Hòn Lan)	huyện Hàm Thuận Nam, thị xã La Gi	Huyện Hàm Thuận Nam	Thị xã La Gi	13,6	II-III, 4-6 làn xe
11	Đoạn Tân Hải -Tân Bình - Tân Thiện (Đường ĐT.719 và đường N2 quy hoạch)	Thị xã La Gi	Thị xã La Gi	Thị xã La Gi	14,5	II-III, 4-6 làn xe
12	Đoạn Tân Thiện - Bình Châu (Quốc lộ 55)	Huyện Hàm Tân	Huyện Hàm Tân	Huyện Hàm Tân	26,5	III, 2-4 làn xe
13	Đoạn Tân Thắng - Thắng Hải	Huyện Hàm Tân	Huyện Hàm Tân	Huyện Hàm Tân	12,5	II-III, 4-6 làn xe
I.5	**Đường tránh qua đô thị**					
1	Đường tránh Quốc lộ 1 qua thành phố Phan Thiết	Huyện Hàm Thuận Nam, Hàm Thuận Bắc và thành phố Phan Thiết	Huyện Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Bắc	25	II-III, 4-6 làn xe
2	Đường tránh QL28 đoạn qua thị trấn Ma Lâm	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	6,4	II-III, 4-6 làn xe
3	Đường tránh QL28 đoạn từ Hàm Trí - Hàm Thắng	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc		III, 2-4 làn xe

TT	Tên công trình/Dự án	Vị trí	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy mô quy hoạch
4	Đường tránh ĐT.719 và cầu qua sông Dinh, thị xã La Gi	Thị xã La Gi	Thị xã La Gi	Thị xã La Gi	6,82	III, 4 làn xe
5	Đường tránh QL55	Thị xã La Gi	Thị xã La Gi	Thị xã La Gi	6,9	III, 4 làn xe
I.6	**Đường huyện trọng yếu, Đường giao thông đô thị, đường vào các khu sản xuất, khu du lịch, khu, cụm công nghiệp…**					
I.6.1	**Công trình/Dự án cải tạo, nâng cấp**					
1	Cải tạo, nâng cấp đường Quốc lộ 1 - Phan Sơn (đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường bộ cao tốc)	Huyện Bắc Bình	Huyện Bắc Bình	Huyện Bắc Bình	7,2	III-IV, 2-4 làn xe
2	Nâng cấp, mở rộng đường Sông Lũy - Phan Tiến	Huyện Bắc Bình	Huyện Bắc Bình	Huyện Bắc Bình	14,5	III-IV, 2-4 làn xe
3	Nâng cấp, mở rộng đường Phú Hội - Cẩm Hang - Sông Quao	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	32,5	III-IV, 2-4 làn xe
4	Cải tạo, nâng cấp đường Quốc lộ 1 - Thôn Triền	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	10,08	III-IV, 2-4 làn xe
5	Cải tạo, nâng cấp đường Sa Ra - Tầm Hưng	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	5,2	III-IV, 2-4 làn xe

TT	Tên công trình/Dự án	Vị trí	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy mô quy hoạch
6	Cải tạo, nâng cấp đường Phú Long - Phú Hài	Huyện Hàm Thuận Bắc và thành phố Phan Thiết	Huyện Hàm Thuận Bắc	Thành phố Phan Thiết	3,9	III-IV, 2-4 làn xe
7	Cải tạo, nâng cấp đường Quốc lộ 1 - Mương Mán	Huyện Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Nam	7,25	III-IV, 2-4 làn xe
8	Cải tạo, nâng cấp đường Quốc lộ 1 - Mỹ Thạnh	Huyện Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Nam	30	III-IV, 2-4 làn xe
9	Cải tạo, nâng cấp đường Hàm Minh - Thuận Quý	Huyện Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Nam	17	III-IV, 2-4 làn xe
10	Cải tạo, nâng cấp đường Hòn Giồ - Thuận Quý	Huyện Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Nam	9,5	III-IV, 2-4 làn xe
11	Nâng cấp, mở rộng đường Mê Pu - Đa Kai	Huyện Đức Linh	Huyện Đức Linh	Huyện Đức Linh	14,5	III-IV, 2-4 làn xe
12	Nâng cấp, mở rộng đường Bà Tá - Trà Tân	Huyện Tánh Linh	Huyện Tánh Linh	Huyện Tánh Linh	21	III-IV, 2-4 làn xe
13	Nâng cấp, mở rộng đường Hàm Phú - Hàm Hiệp	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	-	III-IV, 2-4 làn xe
14	Nâng cấp đường Trần Hưng Đạo	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	-	III, 4 làn xe

TT	Tên công trình/Dự án	Vị trí	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy mô quy hoạch
15	Nâng cấp đường Từ Văn Tư	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	-	III, 2-4 làn xe
16	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Đức Thọ (Suối Phèn)	Thị xã La Gi	Thị xã La Gi	Thị xã La Gi	-	III-IV, 2-4 làn xe
17	Nâng cấp, mở rộng đường Lương Định Của	Thị xã La Gi	Thị xã La Gi	Thị xã La Gi	-	III, 2-4 làn xe
18	Nâng cấp tuyến đường Đông Hà - Gia Huynh	Huyện Đức Linh	Huyện Đức Linh	Huyện Đức Linh	-	III-IV, 2-4 làn xe
19	Nâng cấp đường Thủ Khoa Huân	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	-	III, 4 làn xe
20	Cầu Ông Nhiễu	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	-	2 làn xe
21	Nâng cấp Đường 19/4	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết		III, 4 làn xe
22	Nâng cấp đường Nguyễn Đình Chiểu và đường Huỳnh Thúc Kháng	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết		III-IV, 2-4 làn xe
I.6.2	**Công trình/Dự án làm mới**					
1	Đường kết nối đường bộ cao tốc đến thành phố Phan Thiết	Huyện Hàm Thuận Bắc và thành phố Phan Thiết	Huyện Hàm Thuận Bắc	Thành phố Phan Thiết	12	II-III, 4-6 làn xe
2	Đường vành đai Hàm Thắng - Cảng hàng không Phan Thiết	Huyện Hàm Thuận Bắc và thành phố Phan Thiết	Huyện Hàm Thuận Bắc	Thành phố Phan Thiết	13,2	II-III, 4-6 làn xe
3	Đường từ Quốc lộ 1 (thị trấn Phú Long) đến Cảng hàng không Phan Thiết	Huyện Hàm Thuận Bắc và thành phố Phan Thiết	Huyện Hàm Thuận Bắc	Thành phố Phan Thiết	8,4	II-III, 4-6 làn xe

TT	Tên công trình/Dự án	Vị trí	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy mô quy hoạch
4	Đường vào sân bay Phan Thiết (từ đường ĐT.706B đến đường ĐT.715)	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	7,6	II-III, 4-6 làn xe
5	Đường từ Cảng hàng không Phan Thiết đến khu vực xã Hòa Thắng	Thành phố Phan Thiết, huyện Bắc Bình	Thành phố Phan Thiết	Huyện Bắc Bình	-	II-III, 4-8 làn xe
6	Đường sắt nhẹ đô thị (LRT) kết nối trực tiếp từ sân bay Phan Thiết tới Phan Rí Cửa	Thành phố Phan Thiết, huyện Bắc Bình, huyện Tuy Phong	Thành phố Phan Thiết	Huyện Tuy Phong	52	
7	Đường sắt nhẹ đô thị (LRT) kết nối các KDL Hòn Rơm - Mũi Né - Quảng trường biển Hàm Tiến - Trung tâm thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	30	
8	Đường Hàm Kiệm - Tiến Thành	Huyện Hàm Thuận Nam và thành phố Phan Thiết	Huyện Hàm Thuận Nam	Thành phố Phan Thiết	10,1	II-III, 4-6 làn xe
9	Đường Chợ Lầu - Hòa Phú	Huyện Bắc Bình; huyện Tuy Phong	Huyện Bắc Bình	Huyện Tuy Phong	7,3	II-III, 4-6 làn xe
10	Đường Hồng Thái - Hồng Thắng	Huyện Bắc Bình	Huyện Bắc Bình	Huyện Bắc Bình	13,7	III-IV, 2-4 làn xe
11	Đường Phan Thanh - Hòa Thắng	Huyện Bắc Bình	Huyện Bắc Bình	Huyện Bắc Bình	17	III-IV, 2-4 làn xe
12	Đường Sông Bình - Bình An	Huyện Bắc Bình	Huyện Bắc Bình	Huyện Bắc Bình	9	IV, 2 làn xe

TT	Tên công trình/Dự án	Vị trí	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy mô quy hoạch
13	Đường từ Quốc lộ 1 đến thị xã La Gi (đường Nguyễn Minh Châu nối dài)	Huyện Hàm Tân; huyện Hàm Thuận Nam; thị xã La Gi	Huyện Hàm Tân	Thị xã La Gi	17,5	III, 4 làn xe
14	Đường Quốc lộ 1 - Vĩnh Hảo	Huyện Tuy Phong	Huyện Tuy Phong	Huyện Tuy Phong		III-IV, 2-4 làn xe
15	Cầu qua đập tràn tại Km15+600 tuyến Liên Hương - Phan Dũng	Huyện Tuy Phong	Huyện Tuy Phong	Huyện Tuy Phong	-	2 làn xe
16	Cầu Liên Hương - Phước Thể	Huyện Tuy Phong	Huyện Tuy Phong	Huyện Tuy Phong	-	4 làn xe
17	Tuyến đường dọc sông Lòng Sông, xã Phước Thể	Huyện Tuy Phong	Huyện Tuy Phong	Huyện Tuy Phong	-	III-IV, 2-4 làn xe
18	Đường Hải Thượng Lãn Ông nối dài	Huyện Bắc Bình	Huyện Bắc Bình	Huyện Bắc Bình	-	II-III, 4-6 làn xe
19	Đường từ Trung tâm huyện Hàm Thuận Bắc đi Quốc lộ 1A	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	4,2	III, 4 làn xe
20	Đường từ trung tâm xã Hàm Chính - Quốc lộ 1	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	5,2	III, 4 làn xe
21	Đường ven động cát từ Hồng Liêm - Phú Long	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	-	III-IV, 2-4 làn xe

TT	Tên công trình/Dự án	Vị trí	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy mô quy hoạch
22	Đường từ ngã ba Sa Ra - Thiện Nghiệp	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	-	III-IV, 2-4 làn xe
23	Đường từ trung tâm xã Hàm Trí - Quốc lộ 1	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	6,9	III-IV, 2-4 làn xe
24	Đường Hàm Phú - Hàm Cần - Sông Phan	Huyện Hàm Thuận Bắc, huyện Hàm Thuận Nam, huyện Hàm Tân	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Tân	40,4	III-IV, 2 làn xe
25	Đường Mỹ Thạnh - Đông Giang	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	20	III-IV, 2-4 làn xe
26	Cầu qua sông Cà Ty, huyện Hàm Thuận Bắc và huyện Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Bắc, huyện Hàm Thuận Nam	xã Hàm Hiệp, Huyện Hàm Thuận Bắc	xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam	-	2 làn xe
27	Cầu Văn Thánh, thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	-	4 làn xe
28	Đường, cầu lấn biển tại cửa sông Cà Ty và sông Phú Hài	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết		II-III, 4-6 làn xe
29	Đường Trần Phú nối dài (từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Hưng Đạo)	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết		II-III, 4-6 làn xe

TT	Tên công trình/Dự án	Vị trí	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy mô quy hoạch
30	Đường Nguyễn Văn Linh	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết		II-III, 4-6 làn xe
31	Đường Hà Huy Tập	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết		III-IV, 2-4 làn xe
32	Đường ven biển từ Công viên Thương Chánh đến Công viên Đồi Dương	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết		III, 4 làn xe
33	Đường Đa Kai - Rô Mô	Huyện Đức Linh	Huyện Đức Linh	Huyện Đức Linh		III-IV, 2-4 làn xe
34	Đường Nguyễn Công Hoan	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết		III-IV, 2-4 làn xe
35	Các tuyến đường nhánh nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Hàm Tiến	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết		III-IV, 2-4 làn xe
36	Đường Tôn Thất Tùng	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết		II-III, 4-6 làn xe
37	Đường Lê Lợi	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	-	II-III, 4-6 làn xe
38	Đường Trương Văn Ly kéo dài	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	-	III, 4 làn xe
39	Đường Trần Lê kéo dài	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	-	II-III, 4-6 làn xe
40	Đường Lê Duẩn kéo dài đến Ga Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Nam và thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	Huyện Hàm Thuận Nam	-	II-III, 4-6 làn xe
41	Đường Quốc lộ 1 - Hàm Cần	Huyện Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Nam	15	III-IV, 2-4 làn xe

TT	Tên công trình/Dự án	Vị trí	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy mô quy hoạch
42	Đường Thuận Nam - Sông Phan	Huyện Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Nam	13	III-IV, 2-4 làn xe
43	Đường Mỹ Thạnh - La Dạ	Huyện Hàm Thuận Nam và huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Bắc	16,8	III-IV, 2-4 làn xe
44	Đường Tân Lập - Cầu Quang	Huyện Hàm Thuận Nam, thị xã La Gi	Huyện Hàm Thuận Nam	Thị xã La Gi	13,7	III-IV, 2-4 làn xe
45	Đường Mỹ Thạnh - La Ngâu	Huyện Hàm Thuận Nam và huyện Tánh Linh	Huyện Hàm Thuận Nam	Huyện Tánh Linh	15,8	III-IV, 2-4 làn xe
46	Đường từ thị trấn Tân Minh đi Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân	Huyện Hàm Tân	Huyện Hàm Tân	Huyện Hàm Tân	24	II-III, 4-6 làn xe
47	Đường Tân Đức - Tân Thắng	Huyện Hàm Tân	Huyện Hàm Tân	Huyện Hàm Tân	20	III-IV, 2-4 làn xe
48	Đường Nguyễn Tri Phương nối dài	Thị xã La Gi	Thị xã La Gi	Thị xã La Gi	-	III, 2-4 làn xe
49	Tuyến Tân Thuận - Tân Thắng	Thị xã La Gi	Thị xã La Gi	Thị xã La Gi	-	III, 2-4 làn xe
50	Đường và kè hai bên bờ sông Dinh	Thị xã La Gi	Thị xã La Gi	Thị xã La Gi	-	III, 2-4 làn xe
51	Đường N26 thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh	Huyện Tánh Linh	Huyện Tánh Linh	Huyện Tánh Linh	-	III, 2-4 làn xe
52	Đường Gia Huynh - Trà Tân	Huyện Tánh Linh, huyện Đức Linh	Huyện Tánh Linh	Huyện Đức Linh	14	III-IV, 2-4 làn xe

TT	Tên công trình/Dự án	Vị trí	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy mô quy hoạch
53	Đường cứu hộ, cứu nạn khẩn cấp dọc sông La Ngà, xã Tân Hà	Huyện Đức Linh	Huyện Đức Linh	Huyện Đức Linh	-	IV, 2 làn xe
54	Đường Mê Pu - Đồng Kho	Huyện Đức Linh và huyện Tánh Linh	Huyện Đức Linh	Huyện Tánh Linh	15,1	III-IV, 2-4 làn xe
55	Đường Gia An - Đức Tân	Huyện Tánh Linh	Huyện Tánh Linh	Huyện Tánh Linh	7,6	III-IV, 2-4 làn xe
56	Đường Sông Dinh - Quốc lộ 55	Huyện Tánh Linh	Huyện Tánh Linh	Huyện Tánh Linh	13,7	III-IV, 2-4 làn xe
57	Đường Gia Huynh - Gia An	Huyện Tánh Linh	Huyện Tánh Linh	Huyện Tánh Linh	11,1	III-IV, 2-4 làn xe
58	Công trình kết nối từ đất liền đến đảo Hòn Cau (cầu vượt biển, cáp treo)	Huyện Tuy Phong	Huyện Tuy Phong	Huyện Tuy Phong		
59	Đầu tư mới, nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường tỉnh, đường giao thông đô thị, đường huyện trọng yếu, đường vào các khu sản xuất, khu du lịch, khu, cụm công nghiệp… trên địa bàn tỉnh	Tỉnh Bình Thuận				
II	**Đường sắt**					
1	Nâng cấp tuyến đường sắt quốc gia (đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Thuận)	Tỉnh Bình Thuận	H. Tuy Phong	H. Tánh Linh		Đường đơn, khổ 1000mm
2	Đường sắt tốc độ cao (đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Thuận)	Tỉnh Bình Thuận			157	Đường đôi, khổ 1435mm

TT	Tên công trình/Dự án	Vị trí	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy mô quy hoạch
III	**Cảng biển (*)**					
1	Khu bến Vĩnh Tân	Huyện Tuy Phong				
2	Bến Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết				
3	Bến Phú Quý	Huyện Phú Quý				
4	Bến cảng Kê Gà	Huyện Hàm Thuận Nam				
5	Khu bến Sơn Mỹ	Huyện Hàm Tân				
IV	**Đường thủy nội địa**					
1	Huyện Tuy Phong: 6 bến	Xã Vĩnh Tân, thị trấn Liên Hương, xã Phước Thể, xã Bình Thạnh, thị trấn Phan Rí Cửa				
2	Huyện Bắc Bình: 3 bến	Xã Hòa Thắng, xã Hồng Phong				
3	Thành phố Phan Thiết: 9 bến	Phường Mũi Né, phường Hàm Tiến, phường Phú Thủy, phường Hưng Long, xã Tiến Thành				

TT	Tên công trình/Dự án	Vị trí	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy mô quy hoạch
4	Huyện Hàm Thuận Nam: 2 bến	Xã Tân Thành				
5	Thị xã La Gi: 3 bến	Xã Tân Phước, xã Tân Tiến, xã Tân Bình và phường Bình Tân				
6	Huyện Hàm Tân: 2 bến	Xã Thắng Hải, xã Tân Thắng				
7	Huyện Phú Quý: 3 bến	Xã Tam Thanh, xã Ngũ Phụng				
V	**Cảng hàng không, sân bay**					
1	Cảng hàng không Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết				3tr HK/năm
2	Sân bay Phú Quý	Huyện Phú Quý				Sân bay chuyên dùng
VI	**Bến xe khách**					
	Bổ sung 06 bến xe khách trên địa bàn tỉnh	Tỉnh Bình Thuận				Loại 2 - Loại 5
VII	**Bến xe tải**					
1	Bến xe tải Vĩnh Tân	Huyện Tuy Phong				
2	Bến xe tải Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết				
VIII	**Hạ tầng logistics phục vụ giao thông vận tải**					
1	Trung tâm Logistics cảng hàng không Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết				

TT	Tên công trình/Dự án	Vị trí	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy mô quy hoạch
2	Trung tâm Logistics Bình Thuận	Huyện Tuy Phong				
IX	**Cảng cạn**					
	Cảng cạn Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Nam				

Ghi chú:

- Quy mô quy hoạch các đoạn tuyến đường bộ qua khu vực đô thị đầu tư phù hợp với quy hoạch xây dựng đô thị.

- Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

- Phương án quy hoạch (quy hoạch mới, nâng cấp, sửa chữa, di dời) các tuyến đường huyện, đường đô thị, đường nông thôn khác, đường trong các khu sản xuất, khu du lịch, khu, cụm công nghiệp, phương án các công trình logistics cấp huyện, bến xe, bãi đỗ xe và các công trình hạ tầng giao thông khác sẽ được xác định trong quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch xây dựng nông thôn.

(*) Cảng biển: Triển khai thực hiện theo quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Phụ lục VIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NGUỒN CẤP VÀ LƯỚI ĐIỆN TỈNH BÌNH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Dự án/Công trình	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
A	**HỆ THỐNG LƯỚI ĐIỆN**			
I	**Lưới điện 500 kV**			
I.1	**Trạm biến áp 500 kV**			
1	Sơn Mỹ	MVA	900	
2	Hồng Phong (*)	MVA	900	
3	Nam Trung Bộ 2 (*)	MVA	1.800	
4	Dự phòng phát sinh TBA 500 kV xây mới, cải tạo nâng công suất	MVA		Dự phòng cho phát triển nguồn điện và thực hiện khi đủ điều kiện theo quy định
I.2	**Đường dây 500 kV**			
1	Ninh Sơn - Chơn Thành	Số mạch x km	2 x 275	
2	LNG Cà Ná - Bình Dương 1	Số mạch x km	2 x 280	
3	Hồng Phong - Rẽ Vĩnh Tân - Sông Mây (*)	Số mạch x km	4 x 10	
4	Sơn Mỹ - Bắc Châu Đức	Số mạch x km	2 x 80	
5	Nam Trung Bộ 2 - Thuận Nam (*)	Số mạch x km	2 x 50	
6	NMNĐ Vĩnh Tân III - Vĩnh Tân	Số mạch x km	2 x 1	
7	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV cải tạo và xây mới	km		Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện
II	**Lưới điện 220 kV**			
II.1	**Trạm biến áp 220 kV**			
1	Hàm Thuận Nam	MVA	500	
2	Vĩnh Hảo (*)	MVA	500	
3	Hòa Thắng (*)	MVA	500	

STT	Dự án/Công trình	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
4	Hồng Phong (*)	MVA	500	
5	Hàm Cường (*)	MVA	250	
6	Phong điện 1 - Bình Thuận (*)	MVA	250	
7	Cải tạo trạm Nhà máy thủy điện Hàm Thuận	MVA	125	
8	Cải tạo trạm Nhà máy thủy điện Đại Ninh	MVA	250	
9	Tánh Linh	MVA	250	
10	Dự phòng phát sinh TBA 220 kV xây mới, cải tạo nâng công suất	MVA		Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện và thực hiện khi đủ điều kiện theo quy định
II.2	**Đường dây 220 kV**			
1	500 kV Vĩnh Tân - Cà Ná	Số mạch x km	2 x 14	
2	Hàm Tân - Rẽ Phan Thiết - Châu Đức (mạch 2)	Số mạch x km	2 x 6	
3	Hàm Thuận Nam - Rẽ Phan Thiết - Hàm Tân	Số mạch x km	4 x 4	
4	Vĩnh Hảo - Rẽ Vĩnh Tân - Phan Rí	Số mạch x km	2 x 2	
5	Hòa Thắng - Rẽ Phan Thiết - Phan Rí	Số mạch x km	2 x 7	
6	Cải tạo nâng khả năng tải Hàm Thuận - Đa Mi - Xuân Lộc	Số mạch x km	2 x 95	
7	Cải tạo nâng khả năng tải Phan Thiết - Hàm Thuận	Số mạch x km	1 x 55	
8	Hồng Phong - Rẽ Phan Thiết - Phan Rí (*)	Số mạch x km	2 x 1	
9	Hàm Cường - Hàm Thuận Nam (*)	Số mạch x km	2 x 7	
10	Phong điện 1 Bình Thuận - Rẽ Vĩnh Tân - Phan Thiết (*)	Số mạch x km	2 x 4	

STT	Dự án/Công trình	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
11	500 kV Hồng Phong - Rẽ Phan Rí - Phan Thiết	Số mạch x km	4 x 5	
12	Cải tạo nâng khả năng tải Phan Rí - Phan Thiết	Số mạch x km	2 x 52	
13	Phan Rí - TĐ Đại Ninh	Số mạch x km	2 x 40	
14	Cải tạo nâng khả năng tải Hàm Tân - Châu Đức và Hàm Tân - ĐMT Đá Bạc - Châu Đức	Số mạch x km	2 x 60	
15	500 kV Sơn Mỹ - Rẽ Hàm Tân - Phước Thuận (Đất Đỏ)	Số mạch x km	4 x 4	
16	Nhánh rẽ đấu nối trạm 220 kV Tánh Linh vào đường dây 220 kV Thủy điện Hàm Thuận - Long Thành	Số mạch x km	2 x 1	
17	Dự phòng phát sinh đường dây 220 kV cải tạo và xây mới	km		Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện
III	**Lưới điện 110 kV**			
III.1	**Trạm biến áp 110 kV**			
1	Vĩnh Hảo	MVA	2 x 63	
2	Hàm Thuận Bắc	MVA	2 x 63	
3	Hàm Thạnh	MVA	2 x 63	
4	Phú Hài	MVA	2 x 63	
5	Tánh Linh (Trạm 110kV Tánh Linh và nhánh rẽ đấu nối)	MVA	2 x 40 2 x 63	
6	Hòa Thắng	MVA	2 x 40 2 x 63	
7	Tân Đức	MVA	2 x 40	
8	Hàm Chính	MVA	2 x 63	
9	Hàm Cường	MVA	2 x 63	

STT	Dự án/Công trình	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
10	Tân Hải	MVA	2 x 63	
11	Sơn Mỹ	MVA	2 x 63	
12	Hàm Thắng	MVA	2 x 63	
13	Sông Phan	MVA	2 x 63	
14	Tiến Lợi	MVA	2 x 63	
15	Gia An	MVA	2 x 63	
16	Cải tạo, mở rộng, nâng công suất trạm Sông Bình (hiện hữu 1 x 63 MVA)	MVA	2 x 63	
17	Cải tạo, mở rộng, nâng công suất trạm Thắng Hải (hiện hữu 1 x 40 MVA)	MVA	2 x 40 2 x 63	
18	Cải tạo, mở rộng, nâng công suất trạm Mũi Né (hiện hữu 2 x 40 MVA)	MVA	2 x 63	
19	Cải tạo, mở rộng, nâng công suất trạm Phan Rí (hiện hữu 2 x 40 MVA)	MVA	2 x 63	
20	Cải tạo, mở rộng, nâng công suất trạm Hàm Tân (hiện hữu 2 x 40 MVA)	MVA	2 x 63	
21	Cải tạo, mở rộng, nâng công suất trạm Đức Linh (hiện hữu 2 x 40 MVA)	MVA	2 x 63	
22	Thung Lũng Đại Dương	MVA	2 x 63 3 x 63	
23	Đông Hà	MVA	1 x 63 2 x 63	
24	Thủy điện Sông Lũy	MVA	20	
25	Trạm cắt 110 kV Thủy điện Sông Lũy			

STT	Dự án/Công trình	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
26	Dự phòng phát sinh TBA 110 kV xây mới, cải tạo nâng công suất	MVA	1.260	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải (sản xuất, kinh doanh, thương mại, dịch vụ, du lịch, đô thị, khai thác, chế biến titan,…)
		MVA	630	Dự phòng cho phát triển nguồn điện (thủy điện (Thác Ba, Sông Lũy 1, Đức Hạnh, La Ngâu), điện gió,… và các nguồn điện khác)
27	Các trạm biến áp xây dựng mới do các chủ dự án điện gió và điện mặt trời đầu tư			Theo Quyết định của cơ quan thẩm quyền phê duyệt
III.2	**Đường dây 110 kV**			
1	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Vĩnh Hảo vào đường dây 110 kV Phú Lạc - Ninh Phước	Số mạch x km	2 x 0,8	
2	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Hàm Thuận Bắc vào đường dây 110 kV Phan Thiết - Lương Sơn, sau chuyển đấu nối vào đường dây 110 kV Phan Thiết 2 - Lương Sơn 2	Số mạch x km	2 x 1	
3	Đường dây 110 kV Hàm Thuận Nam 2 - Hàm Thạnh (đấu nối trạm 110 kV Hàm Thạnh)	Số mạch x km	2 x 11	
4	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Phú Hài vào đường dây 110 kV Mũi Né - Phan Thiết 2	Số mạch x km	2 x 1	
5	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Tánh Linh vào đường dây 110 kV Thủy điện Hàm Thuận - Đức Linh (Trạm 110kV Tánh Linh và nhánh rẽ đấu nối)	Số mạch x km	2 x 2,2	

STT	Dự án/Công trình	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
6	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Hòa Thắng vào đường dây 110 kV Mũi Né - Lương Sơn	Số mạch x km	2 x 0,5	
7	Đường dây 110 kV Hàm Tân 2 - Tân Đức - Hòa Bình	Số mạch x km	2 x 32	
8	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Hàm Chính vào đường dây 110 kV Thủy điện Hàm Thuận - Phan Thiết 2	Số mạch x km	2 x 1	
9	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Hàm Cường vào đường dây 110 kV Hàm Thuận Nam 2 - Tân Thành	Số mạch x km	2 x 1	
10	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Tân Hải vào đường dây 110 kV mạch 2 Hàm Tân 2 - Xuyên Mộc	Số mạch x km	2 x 1	
11	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Sơn Mỹ vào đường dây 110 kV mạch 2 Hàm Tân 2 - Xuyên Mộc	Số mạch x km	2 x 1	
12	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Hàm Thắng vào đường dây 110 kV Phan Thiết - Lương Sơn	Số mạch x km	2 x 1	
13	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Sông Phan vào đường dây 110 kV Phan Thiết 2 - Hàm Tân 2	Số mạch x km	2 x 1	
14	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Tiến Lợi vào đường dây 110 kV Phan Thiết 2 - Hàm Tân 2	Số mạch x km	2 x 1	
15	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Gia An vào đường dây 110 kV mạch 2 Hàm Thuận - Đức Linh	Số mạch x km	2 x 1	

STT	Dự án/Công trình	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
16	Đường dây 110 kV từ TBA 220 kV Hàm Tân - Tân Thành	Số mạch x km	2 x 29	
17	Đường dây 110 kV mạch 2 Hàm Tân 2 - Xuyên Mộc	Số mạch x km	1 x 45	
18	Mũi Né - Hòa Thắng - Lương Sơn (Kéo dây mạch 2 phân pha) (Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV Lương Sơn - Hòa Thắng - Mũi Né)	Số mạch x km	2 x 29	
19	Lộ ra 110 kV trạm 220 kV Phan Rí 2	Số mạch x km	4 x 5	
20	Đường dây 110 kV mạch 2 Phan Thiết 2 - Lương Sơn - Phan Rí 2	Số mạch x km	1 x 70	
21	Đường dây 110 kV mạch 2 Đại Ninh - Phan Rí 2	Số mạch x km	1 x 50	
22	Đường dây 110 kV mạch 2 Phan Rí 2 - Tuy Phong - Ninh Phước 2	Số mạch x km	1 x 60	
23	Phan Thiết 2 - Mũi Né (Kéo dây mạch 2)	Số mạch x km	1 x 25	
24	Lộ ra 110 kV trạm 220 kV Hàm Thuận Nam	Số mạch x km	4 x 2	
25	Đường dây 110 kV mạch 2 Hàm Tân 2 - Phan Thiết 2	Số mạch x km	1 x 68	
26	Lộ ra 110 kV trạm 220 kV Hòa Thắng	Số mạch x km	2 x 5	
27	Lộ ra 110 kV trạm 220 kV Hồng Phong	Số mạch x km	4 x 7	
28	Kéo dây mạch 2 đường dây 110 kV Phan Thiết 2 - Mũi Né	Số mạch x km	1 x 25	

STT	Dự án/Công trình	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
29	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây đường dây 110 kV Phan Thiết 2 - Mũi Né	Số mạch x km	2 x 25	
30	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây Phan Thiết - Lương Sơn - Phan Rí	Số mạch x km	1 x 68,5	
31	Đường dây 110kV mạch 2 Phước Thuận - Xuyên Mộc - 220kV Hàm Tân 2 (Đường dây mạch 2 Hàm Tân 2 - Xuyên Mộc)	Số mạch x km	1 x 46,9	
32	Đường dây 110kV mạch 2 Lương Sơn - Phan Rí, tỉnh Bình Thuận (Đường dây mạch 2 Phan Thiết 2 - Phan Rí 2)	Số mạch x km	1 x 27	
33	Đường dây mạch 2 Ninh Phước - Tuy Phong - Phan Rí (Đường dây mạch 2 Phan Rí 2 - Ninh Phước 2)	Số mạch x km	1 x 60,1	
34	Đường dây 110 kV mạch 2 Hàm Thuận - Đức Linh	Số mạch x km	1 x 54	
35	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110 kV Hàm Kiệm - Tân Thành (cải tạo từ 01 mạch lên 02 mạch)	Số mạch x km	2 x 29	
36	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110 kV Hàm Thuận - Phan Thiết 2	Số mạch x km	2 x 57	
37	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110 kV Hàm Tân 2 - Hàm Tân	Số mạch x km	1 x 3	
38	Lộ ra 110 kV trạm 220 kV Tánh Linh	Số mạch x km	4 x 2	

STT	Dự án/Công trình	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
39	Cải tạo đường dây 110kV Phan Thiết - Hàm Kiệm - Thuận Nam - Hàm Tân	Số mạch x km	1 x 62,3	
40	Cải tạo kè chống sạt lở móng trụ trên các tuyến đường dây 110kV	Số mạch x km	1 x 5	
41	Phân pha dây dẫn đường dây 110kV từ 174 Phan Thiết đến 172 Phan Rí	Số mạch x km	1 x 67,8	
42	Đường dây 110 kV Thung Lũng Đại Dương - Trạm 220kV Hàm Thuận Nam	Số mạch x km	2 x 13	
43	Lộ ra 110 kV trạm 220 kV Hàm Thuận Nam	Số mạch x km	2 x 11	
44	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Thung Lũng Đại Dương vào đường dây 110 kV Hàm Kiệm - Tân Thành	Số mạch x km	2 x 3	
45	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Đông Hà vào đường dây 110 kV Xuân Trường - Đức Linh	Số mạch x km	2 x 0,2	
46	Đường dây 110 kV từ trạm biến áp 110 kV Thủy điện Sông Lũy đến Trạm cắt 110 kV Thủy điện Sông Lũy	Số mạch x km	1 x 8	
47	Đường dây 110 kV từ Trạm cắt 110 kV Thủy điện Sông Lũy đấu nối vào đường dây 110 kV TĐ Đại Ninh - ĐMT Phan Lâm	Số mạch x km	2 x 0,1	
48	Dự phòng phát sinh đường dây 110 kV cải tạo và xây mới	km	100	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải (sản xuất, kinh doanh, thương mại, dịch vụ, du lịch, đô thị, khai thác, chế biến titan,…)

STT	Dự án/Công trình	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
			100	Dự phòng cho phát triển nguồn điện (thủy điện (Thác Ba, Sông Lũy 1, Đức Hạnh, La Ngâu), điện gió,… và các nguồn điện khác)
49	Các đường dây xây dựng mới do các chủ dự án điện mặt trời, điện gió đầu tư			Theo Quyết định của cơ quan thẩm quyền phê duyệt
B	**NGUỒN ĐIỆN**			
I	**Nhiệt điện**			
I.1	**Nhiệt điện than**			
	Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân (**)	MW		
I.2	**Nhiệt điện khí LNG**			
1	LNG Sơn Mỹ I	MW	2.250	
2	LNG Sơn Mỹ II	MW	2.250	
3	LNG Mũi Kê Gà (Dự án tiềm năng, dự phòng cho các dự án chậm tiến độ hoặc không thể triển khai)	MW		Được nêu vị trí tiềm năng, dự phòng trong danh mục Quy hoạch điện VIII
II	**Thủy điện nhỏ đã được quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020 đang triển khai thực hiện được đưa vào giai đoạn 2021 - 2030**			
1	Sông Lũy	MW	16	
2	Sông Lũy 1	MW	6	
3	Thác Ba	MW	18	
4	Đức Hạnh	MW	22	.

STT	Dự án/Công trình	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
III	**Điện gió tiềm năng**			
1	Ngoài khơi	MW	6.000	Giai đoạn 2021 - 2030
		MW	25.000 (lũy kế)	Sau năm 2030
2	Trên bờ	MW	300	Giai đoạn 2021 - 2030
		MW	240	Sau năm 2030
IV	**Điện mặt trời tiềm năng**			
1	Điện mặt trời tự sản, tự tiêu	MW	Không giới hạn công suất	
2	Điện mặt trời phát điện thương mại lên lưới điện quốc gia	MW	264	
V	**Nguồn điện tiềm năng khác**			
	Tiềm năng, dự phòng phát triển nguồn điện khác (như: điện sinh khối, điện rác, điện đồng phát, pin lưu trữ, thủy điện trên hồ thủy lợi, thủy điện tích năng…)	MW	500	
C	**NGUỒN ĐIỆN, LƯỚI ĐIỆN HUYỆN ĐẢO PHÚ QUÝ**			
I	**Nguồn điện**			
	Dự phòng phát triển nguồn điện	MW	16	
			30	
II	**Lưới điện 110 kV**			
1	Dự phòng phát sinh trạm biến áp 110 kV Phú Quý	MVA	25	
			40 (Lắp máy 2)	
2	Dự phòng phát sinh đường dây 110 kV vượt biển	km	115	

Ghi chú:

1. (*) Quy mô và vị trí của các trạm biến áp, đường dây sẽ được xác định cụ thể trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch khác có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. (**) Trong đó, Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân III thực hiện theo Quy hoạch điện VIII.

3. Việc đầu tư các dự án đã được quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020 chưa triển khai thực hiện được đưa vào giai đoạn 2021 - 2030, dự án nguồn điện có tiềm năng phát triển phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch điện VIII, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, tiềm năng phát triển và các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước và các quy định khác có liên quan.

4. Đối với trạm biến áp và đường dây:

- Trong quá trình thực hiện của mỗi giai đoạn, quy mô của trạm biến áp sẽ được lựa chọn phù hợp với nhu cầu phụ tải và giải tỏa công suất nguồn điện; quy mô, chiều dài đường dây sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

- Trong trường hợp có sự tăng trưởng phụ tải ở một số khu vực một cách đột biến dẫn đến phải thay đổi, bổ sung quy mô, kết lưới đường dây và trạm thì báo cáo cơ quan có thẩm quyền cho phép triển khai.

- Việc đầu tư xây dựng các trạm biến áp 500kV, 220kV và đường dây 500kV, 220kV phải căn cứ vào Quy hoạch điện VIII, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Danh mục các dự án, địa điểm cụ thể, quy mô công suất, diện tích đất sử dụng đất, sử dụng mặt biển, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các dự án nguồn điện nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ, đảm bảo tuân thủ Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phụ lục IX

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Ghi chú
1	Dự án xây dựng Hồ chứa nước Ka Pét, huyện Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Nam	
2	Dự án xây dựng Hồ chứa La Ngà 3	Huyện Tánh Linh	
3	Dự án xây dựng Hồ Cà Tót	Huyện Bắc Bình	
4	Dự án xây dựng Hồ Tân Lê	Huyện Tuy Phong	
5	Dự án xây dựng Hồ Đá Bạc Thượng	Huyện Tuy Phong	
6	Dự án xây dựng Hồ Tà Hoàng	Huyện Tuy Phong	
7	Tuyến chuyển nước từ Hồ La Ngà 3 cấp nước khu vực phía Nam Bình Thuận.	Huyện Tánh Linh, Huyện Hàm Tân, Huyện Hàm Thuận Nam, thị xã La Gi, Thành phố Phan Thiết	
8	Dự án xây dựng Hồ chứa nước Sông Tom	Huyện Hàm Tân	
9	Dự án xây dựng Hồ chứa nước Suối Trâm Thượng và hệ thống kênh tưới	Huyện Hàm Thuận Bắc	
10	Dự án xây dựng các hồ chứa nước ngọt và nâng cấp, cải tạo hệ thống cấp nước huyện Phú Quý	Huyện Phú Quý	
11	Dự án xây dựng Hồ Cô Kiều (thượng)	Huyện Hàm Tân	
12	Dự án Hồ chứa nước Sông Dinh 3 - Giai đoạn 2	Huyện Hàm Tân	
13	Dự án xây dựng Hồ Sông Giang	Huyện Hàm Tân	
14	Dự án xây dựng Hồ Sông Giêng	Huyện Hàm Tân	
15	Dự án xây dựng Hồ Sông Phan	Huyện Hàm Tân	
16	Dự án xây dựng Hồ Đa Khuynh	Huyện Đức Linh	
17	Dự án xây dựng Hồ Tân Lập 1	Huyện Hàm Thuận Nam	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Ghi chú
18	Dự án xây dựng Hồ Tân Lập 2	Huyện Hàm Thuận Nam	
19	Dự án Cải tạo, nâng cấp Hồ Biển Lạc	Huyện Đức Linh và Huyện Tánh Linh	
20	Dự án xây dựng Hồ Măng Tố	Huyện Tánh Linh	
21	Dự án xây dựng Hồ Bưng Thị	Huyện Hàm Thuận Nam	
22	Dự án xây dựng Hồ Suối Nậm	Huyện Hàm Thuận Nam	
23	Dự án xây dựng các hồ chứa nước phục vụ chế biến titan	Khu vực Lương Sơn, huyện Bắc Bình	
24	Dự án nâng cấp đập dâng Tà Pao	Huyện Tánh Linh	
25	Dự án xây dựng Đập Võ Đắc	Huyện Đức Linh	
26	Dự án xây dựng Đập ngăn mặn Sông Lũy kết hợp cầu giao thông	Huyện Bắc Bình	
27	Dự án xây dựng Đập ngăn mặn Sông Phan	Huyện Hàm Thuận Nam	
28	Dự án xây dựng Trạm bơm Cà Tót	Huyện Bắc Bình	
29	Dự án xây dựng Trạm bơm Phan Lâm - Phan Sơn và các tuyến kênh	Huyện Bắc Bình	
30	Dự án xây dựng trạm bơm vượt cấp tại xã Mê Pu	Huyện Đức Linh	
31	Trạm bơm lấy nước từ kênh Siểng Giang	Huyện Hàm Thuận Bắc	
32	Trạm bơm Ku Kê	Huyện Hàm Thuận Bắc	
33	Dự án nâng cấp mở rộng hệ thống kênh tưới trạm bơm cấp nước Lê Hồng Phong	Huyện Bắc Bình và Thành phố Phan Thiết	
34	Hệ thống trạm bơm cấp nước từ Hồ Ba Bàu về xã Tiến Thành	Huyện Hàm Thuận Nam và Thành phố Phan Thiết	
35	Kiên cố, nâng cấp hệ thống kênh chuyển nước lưu vực toàn tỉnh	Tỉnh Bình Thuận	
36	Dự án xây dựng Kênh chuyển nước Sông Dinh 3 - Suối Chùa	Huyện Hàm Tân	
37	Xây dựng tuyến kênh, tuyến ống cấp nước các khu công nghiệp Hàm Kiệm, Tân Đức, Sơn Mỹ 1, Sơn Mỹ 2	Huyện Hàm Tân, huyện Hàm Thuận Nam	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Ghi chú
38	Dự án xây dựng Kênh chuyển nước Võ Đắc - đập Gia Huynh	Huyện Đức Linh	
39	Dự án xây dựng Hệ thống kênh tưới dự án La Ngà 3	Huyện Đức Linh, Huyện Tánh Linh, Huyện Hàm Tân, Thị xã La Gi, Huyện Hàm Thuận Nam	
40	Dự án xây dựng Kênh chuyển nước Sông Phan -Tân Lập 1	Huyện Hàm Thuận Nam	
41	Dự án xây dựng Kênh chuyển nước Tân Lập 1 - Tân Lập 2	Huyện Hàm Thuận Nam	
42	Dự án xây dựng Kênh chuyển nước Lăng Quăng - Tân Hà	Huyện Đức Linh	
43	Dự án xây dựng hoàn thiện hệ thống công trình sử dụng nước hồ Sông Lũy	Huyện Bắc Bình và Huyện Hàm Thuận Bắc	
44	Dự án xây dựng hệ thống đường ống tiếp nước liên huyện phía Nam tỉnh Bình Thuận	Huyện Tánh Linh, Huyện Hàm Tân, Huyện Hàm Thuận Nam	
45	Dự án xây dựng hoàn chỉnh khu tưới hệ thống thủy lợi Tà Pao	Huyện Tánh Linh	
46	Dự án xây dựng kênh tưới Đu Đủ - Tân Thành	Huyện Hàm Thuận Nam	
47	Dự án xây dựng nâng cấp hệ thống tưới hồ Trà Tân, huyện Đức Linh	Huyện Đức Linh	
48	Dự án xây dựng trạm bơm Hồng Liêm và hệ thống kênh tưới huyện Hàm Thuận Bắc và huyện Bắc Bình	Huyện Bắc Bình và Huyện Hàm Thuận Bắc	
49	Dự án xây dựng kênh chính Bắc hồ Sông Quao	Huyện Hàm Thuận Bắc và Huyện Bắc Bình	
50	Dự án xây dựng hoàn chỉnh hệ thống kênh hồ chứa nước Sông Móng	Huyện Hàm Thuận Nam	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Ghi chú
51	Dự án xây dựng kiên cố kênh chính hồ Suối Đá kết hợp đường giao thông dọc kênh	Huyện Hàm Thuận Bắc	
52	Kiên cố hóa Kênh chuyển nước Sông Dinh 3 - Núi Đất	Huyện Hàm Tân	
53	Dự án xây dựng kéo dài kênh chính Nam và Hệ thống kênh nhánh Trạm bơm Hồng Liêm	Huyện Bắc Bình và Huyện Hàm Thuận Bắc	
54	Dự án xây dựng Hệ thống kênh nhánh của Kênh chính Bắc Sông Quao	Huyện Bắc Bình và Huyện Hàm Thuận Bắc	
55	Dự án xây dựng nâng cấp, kiên cố hệ thống kênh nhánh thuộc các Hồ chứa, Đập dâng, Trạm bơm, Kênh chuyển nước lưu vực toàn tỉnh	Tỉnh Bình Thuận	
56	Dự án cải tạo, nâng cấp các hồ chứa lớn, vừa và nhỏ toàn tỉnh	Tỉnh Bình Thuận	
57	Dự án xây dựng Hệ thống kênh tiêu các huyện, thị xã và thành phố	Tỉnh Bình Thuận	
58	Dự án xây dựng công trình, hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	Tỉnh Bình Thuận	

Ghi chú: Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục X

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP, THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI TỈNH BÌNH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Ghi chú
A	**Danh mục các dự án cấp nước**		
1	Hệ thống nước sinh hoạt: Cây Cám - xã Hòa Minh, Xóm C1 - xã Vĩnh Hảo	Huyện Tuy Phong	
2	Hệ thống cấp nước khu vực Hòa Thắng - Hòa Phú	Huyện Bắc Bình, huyện Tuy phong	
3	Trạm bơm tăng áp xã Sùng Nhơn	Huyện Đức Linh	
4	Hệ thống cấp nước sạch huyện Hàm Thuận Bắc thuộc Dự án lĩnh vực nước tỉnh Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Bắc	
5	Hệ thống nước xã Tân Lập và mạng lưới đường ống	Huyện Hàm Thuận Nam	
6	Cải tạo hệ thống nước sinh hoạt xã Hòa Phú, xã Phước Thể	Huyện Tuy Phong	
7	Nâng cấp, mở rộng hệ thống nước: Phan Tiến nối mạng xã Sông Lũy; Lương Sơn; hệ thống nước sinh hoạt Phan Hòa; xã Hồng Thái	Huyện Bắc Bình	
8	Nâng cấp mở rộng hệ thống nước: xã Đông Giang; xã Hồng Sơn	Huyện Hàm Thuận Bắc	
9	Nâng cấp, mở rộng hệ thống nước Thiện Nghiệp, thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	
10	Nâng cấp mở rộng hệ thống nước Tân Thuận	Huyện Hàm Thuận Nam	
11	Nâng cấp hệ thống nước: xã Măng Tố, xã Đức Bình	Huyện Tánh Linh	
12	Nâng cấp, mở rộng hệ thống nước Suối Kiết	Huyện Tánh Linh	
13	Nâng cấp, cải tạo hệ thống cấp nước huyện Phú Quý	Huyện Phú Quý	
14	Sửa chữa nâng cấp Hệ thống nước Ngũ Phụng và Long Hải huyện Phú Quý	Huyện Phú Quý	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Ghi chú
15	Mở rộng hệ thống nước Hồng Thái, Bắc Bình	Huyện Bắc Bình	
16	Xây mới nhà máy nước Vĩnh Hảo	Huyện Tuy Phong	
17	Nhà máy nước: Bàu Thiêu, Sông Lũy, Lương Sơn, Cà Giây	Huyện Bắc Bình	
18	Nhà máy nước: Suối Đá, Hồng Sơn, hồ Cà Giang, Hàm Liêm - Sông Quao, khu công nghiệp Đông Bắc Phan Thiết	Huyện Hàm Thuận Bắc	
19	Nhà máy nước: Tân Thắng, Tân Xuân	Huyện Hàm Tân	
20	Nhà máy nước: Đức Bình - Lạc Tánh; La Ngâu; Gia An; Tà Pao	Huyện Tánh Linh	
21	Nhà máy nước ODA Hàm Thuận Bắc và mạng lưới đường ống bao phủ huyện Hàm Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	
22	Xây mới nhà máy nước Tân Nghĩa 2	Huyện Hàm Tân	
23	Xây dựng nhà máy nước sạch Đông Hà	Huyện Đức Linh	
24	Cải tạo nhà máy nước Phú Long	Huyện Hàm Thuận Bắc	
25	Cải tạo nhà máy nước Bình An - Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	
26	Cải tạo nhà máy nước Tân Tiến	Thị xã La Gi	
27	Nâng công suất nhà máy nước: Hòa Thắng, Sông Mao	Huyện Bắc Bình	
28	Nâng công suất nhà máy nước Thuận Bắc	Huyện Hàm Thuận Bắc	
29	Nâng cấp nhà máy nước: Mương Mán, Thuận Nam.	Huyện Hàm Thuận Nam	
30	Nâng cấp, mở rộng các nhà máy nước Tân Nghĩa, Tân Minh, KCN Hàm Tân - LaGi	Huyện Hàm Tân	
31	Nâng công suất Nhà máy nước La Gi	Thị xã La Gi	
32	Nâng cấp nhà máy nước: Măng Tố, Lạc Tánh	Huyện Tánh Linh	
33	Nâng cấp nhà máy nước: Võ Xu, Mai Anh - Bình Thuận	Huyện Đức Linh	
34	Nâng cấp các nhà máy, mở rộng tuyến ống cấp nước huyện Tuy Phong	Huyện Tuy Phong	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Ghi chú
35	Nâng cấp, mở rộng tuyến ống và nhà máy nước Tân Xuân	Huyện Hàm Tân	
36	Tuyến ống nước thô: Đập Phú Hội - Nhà máy nước Hàm Mỹ, hồ Ba Bàu - Nhà máy nước Mương Mán	Huyện Hàm Thuận Nam	
37	Tuyến ống cấp nước thôn Hồng Thắng, xã Hòa Thắng	Huyện Bắc Bình	
38	Tuyến ống nước thô Bàu Trắng - Nhà máy nước Hồng Phong	Huyện Bắc Bình	
39	Tuyến ống cấp nước Ma Lâm - Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc.	Huyện Hàm Thuận Bắc.	
40	Tuyến ống chuyển tải Tân Thắng - Sơn Mỹ	Huyện Hàm Tân	
41	Tuyến ống cấp nước Tân Thắng - Thắng Hải	Huyện Hàm Tân	
42	Nâng cấp tuyến ống cấp nước xã Sông Bình, thôn Sông Bằng - Đá Trắng, thôn Tân Hòa, thôn Láng Xéo	Huyện Bắc Bình	
43	Mở rộng tuyến ống cấp nước huyện Bắc Bình	Huyện Bắc Bình	
44	Mở rộng tuyến ống cấp nước hệ thống nước xã La Dạ	Huyện Hàm Thuận Bắc	
45	Nâng cấp, mở rộng tuyến ống cấp nước: Hệ thống nước Mũi Né, Hệ thống nước Long Sơn - Suối Nước	Thành phố Phan Thiết	
46	Mở rộng tuyến ống cấp nước xã Tiến Lợi, thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	
47	Mở rộng tuyến ống cấp nước các xã: Hàm Kiệm, Hàm Mỹ, Hàm Cường, Hàm Minh	Huyện Hàm Thuận Nam	
48	Mở rộng tuyến ống cấp nước huyện Hàm Tân	Huyện Hàm Tân	
49	Mở mạng tuyến ống cấp nước huyện Hàm Tân giai đoạn 2	Huyện Hàm Tân	
50	Mở rộng tuyến ống cấp nước xã Tân Tiến, Tân Hải, thị xã La Gi	Thị xã La Gi	
51	Mở rộng tuyến ống cấp nước: thị trấn Lạc Tánh - Đức Bình, xã Đức Phú, xã Nghị Đức.	Huyện Tánh Linh	
52	Mở rộng tuyến ống cấp nước: thị trấn Võ Xu, xã Vũ Hòa; xã Đa Kai; xã Đức Hạnh; xã Nam Chính; các thôn 4, 5, 8 xã Mê Pu; các xã phía Nam huyện Đức Linh	Huyện Đức Linh	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Ghi chú
53	Nối mạng tuyến ống cấp nước xã Bắc Ruộng	Huyện Tánh Linh	
54	Giữ nguyên công suất nhà máy nước Phan Thiết nghiên cứu chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với định hướng phát triển đô thị Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết	
55	Trạm bơm cấp 1 và tuyến ống nước thô từ các hồ chứa nước về Nhà máy nước huyện Phú Quý	Huyện Phú Quý	
56	Dự án lọc nước biển thành nước ngọt huyện Phú Quý	Huyện Phú Quý	
57	Nâng cấp, mở rộng, cải tạo các nhà máy và tuyến ống cấp nước các công trình cấp nước hiện hữu	Tỉnh Bình Thuận	
58	Trạm bơm cấp 1 và tuyến ống nước thô từ công trình thủy lợi về nhà máy nước hiện hữu	Tỉnh Bình Thuận	
59	Xây dựng hệ thống cấp nước tập trung cho các điểm dân cư nông thôn, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch, đô thị	Tỉnh Bình Thuận	
B	**Danh mục các dự án thoát nước và xử lý nước thải**		
1	Xây mới hệ thống thoát nước và trạm xử lý nước thải: Phan Rí Cửa; Liên Hương; Vĩnh Tân.	Huyện Tuy Phong	
2	Hệ thống xử lý nước thải KDL Tuy Phong	Huyện Tuy Phong	
3	Xây mới hệ thống thoát nước và trạm xử lý nước thải: Chợ Lầu; Lương Sơn	Huyện Bắc Bình	
4	Hệ thống xử lý nước thải KDL Bắc Bình	Huyện Bắc Bình	
5	Xây dựng mới hệ thống thoát nước và trạm xử lý nước thải Ma Lâm	Huyện Hàm Thuận Bắc	
6	Nhà máy xử lý nước thải Phú Long	Huyện Hàm Thuận Bắc	
7	Hoàn thiện mạng lưới thoát nước, nâng cấp trạm xử lý nước thải Phan Thiết lên công suất theo thiết kế	Thành phố Phan Thiết	
8	Xây mới hệ thống thoát nước và trạm xử lý nước thải: Phan Thiết 2; Phan Thiết 3; Phan Thiết 4	Thành phố Phan Thiết	
9	Hệ thống xử lý nước thải: KDL Hàm Tiến; KDL Mũi Né - Suối Nước; KDL Tiến Thành	Thành phố Phan Thiết	
10	Xây dựng mới hệ thống thoát nước và trạm xử lý nước thải Thuận Nam	huyện Hàm Thuận Nam	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Ghi chú
11	Hệ thống xử lý nước thải KDL Hàm Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Nam	
12	Xây dựng hệ thống thoát nước và trạm xử lý nước thải: Tân Nghĩa; Sơn Mỹ; Tân Minh	Huyện Hàm Tân	
13	Hệ thống xử lý nước thải KDL Hàm Tân	Huyện Hàm Tân	
14	Xây dựng mới hệ thống thoát nước và trạm xử lý nước thải: La Gi 1; La Gi 2	Thị xã La Gi	
15	Hệ thống xử lý nước thải KDL La Gi	Thị xã La Gi	
16	Xây dựng hệ thống thoát nước và trạm xử lý nước thải Lạc Tánh	Huyện Tánh Linh	
17	Xây dựng hệ thống thoát nước và trạm xử lý nước thải: Võ Xu; Đức Tài	Huyện Đức Linh	
18	Hệ thống xử lý nước thải cụm công nghiệp Đông Hà	Huyện Đức Linh	
19	Xây dựng hệ thống thoát nước và trạm xử lý nước thải Phú Quý	Huyện Phú Quý	
20	Nâng cấp, mở rộng các hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh	Tỉnh Bình Thuận	
21	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thoát nước và xử lý nước thải các khu, cụm công nghiệp và làng nghề	Tỉnh Bình Thuận	
22	Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tại các khu du lịch, các khu vực có kế hoạch đầu tư kết cấu hạ tầng để hình thành đô thị trong giai đoạn 2031 - 2050 và các điểm dân cư nông thôn tập trung	Tỉnh Bình Thuận	
23	Xây dựng hệ thống Nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn du lịch tại các bãi tắm công cộng trên địa bàn tỉnh	Tỉnh Bình Thuận	

Ghi chú: Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ; các dự án cấp nước, thoát nước khác đối với cấp huyện, cấp xã được xác định trong quy hoạch xây dựng chung cấp huyện, quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã.

Phụ lục XI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG XỬ LÝ CHẤT THẢI TỈNH BÌNH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Ghi chú
I	**Công trình xử lý CTR cấp huyện đang thực hiện**		
1	Khu Liên hợp xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp và sản xuất phân hữu cơ	Thị xã La Gi	
2	Nhà máy rác thành phố Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết và huyện Hàm Thuận Nam	
3	Nhà máy xử lý chất thải	Huyện Tánh Linh	
4	Nhà máy phân loại, tái chế và xử lý rác thải sinh hoạt	Huyện Tánh Linh	
5	Mở rộng khu liên hợp tái chế và xử lý rác thải sinh hoạt công nghiệp nguy hại Nam Chính - giai đoạn 2	Huyện Đức Linh	
6	Nhà máy phân loại, tái chế và xử lý chất thải rắn sinh hoạt Thành Nam	Huyện Hàm Thuận Bắc	
7	Nhà máy xử lý chất thải sinh hoạt và sản xuất phân hữu cơ huyện Phú Quý	Huyện Phú Quý	
II	**Khu xử lý cấp vùng tỉnh**		
1	Khu xử lý Núi Rạng	Huyện Tuy Phong	- Xử lý CTR công nghiệp, CTR nguy hại - Xử lý CTR sinh hoạt cho huyện Tuy Phong; một phần huyện Bắc Bình

STT	Tên dự án	Địa điểm	Ghi chú
2	Khu xử lý CTR Hồng Liêm	Huyện Hàm Thuận Bắc	- Xử lý CTR công nghiệp, CTR nguy hại. - Xử lý CTR sinh hoạt cho phía Bắc Tp Phan Thiết, Hàm Thuận Bắc, huyện Bắc Bình, một phần huyện Tuy Phong
3	Khu xử lý Sông Phan	Huyện Hàm Tân	- Xử lý CTR công nghiệp, CTR nguy hại - Xử lý CTR sinh hoạt cho huyện Hàm Tân, huyện Hàm Thuận Nam
III	**Khu xử lý đặc thù**		
1	Khu xử lý CTR Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân	Huyện Tuy Phong	Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân
2	Khu tái chế, xử lý rác thải vật liệu xây dựng, bùn thải	Tỉnh Bình Thuận	

Ghi chú: Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ; các dự án xử lý chất thải khác đối với cấp huyện, cấp xã được xác định trong quy hoạch xây dựng

(Xem tiếp Công báo số 55 + 56)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng